

FRANCISCO GOYA

(1746 - 1828)

Nhà Danh Họa vẽ Bạo Hành và Tội Ác

Phạm Văn Tuấn

Trong cuộc đời cầm cọ, Francisco Goya đã khai thác các chiều sâu của nỗi sợ hãi, cơn giận dữ, các cảnh bất công và bạo hành đối với con người. Lòng say mê diễn tả thú tính của con người qua các bức vẽ, qua các nét phác thảo đã khiến cho nhà Danh Họa Goya được mô tả vừa là một thiên tài, vừa là một kẻ điên. Nhưng, tất cả các họa phẩm của Francisco Goya đã là những ghi chép của Lịch Sử, vừa mạnh mẽ, vừa trường tồn.

1/ Thời niên thiếu và học nghề Hội Họa.

Francisco José de Goya y Lucientes chào đời vào ngày 30/3/1746 trong làng Fuendetodos, cách Thị Xã Zaragoza 30 dặm và thuộc tỉnh Aragon, Nước Tây Ban Nha. Francisco là người con thứ tư của Ông Jose Goya và Bà Engracia Lucientes. Ông Bố Jose là một thợ thủ công, chuyên làm các kỹ vật giát bằng các lá vàng mỏng. Còn Bà Mẹ Engracia thuộc về một gia đình có đất đai tại Fuendetodos nên được tạm coi là quý tộc cấp thấp. Fuendetodos là một vùng đất cằn cỗi, nên gia đình Goya đã dọn nhà tới Thị Xã Zaragoza, thời đó Francisco lên 4 tuổi.

Vào thập niên 1750, Francisco theo học Trường Tôn Giáo Escuelas Pias de San Anton trong Thị Xã Zaragoza, đã học tiếng La Tinh

giống như các trẻ em cùng thời. Chính trong thời kỳ này, Francisco kết bạn với Martin Zapater và nhờ các bức thư trao đổi giữa Zapater và Goya mà người đời sau mới hiểu rõ về con người của Họa Sĩ này, về các lý do tại sao Họa Sĩ Goya nhận lãnh chức vụ trong Triều Đình Tây Ban Nha cùng những thất vọng của ông trước các cảnh bạo hành mà Họa Sĩ là một nhân chứng.

Năm lên 13 hay 14 tuổi, Francisco Goya theo học bốn năm hội họa tại xưởng vẽ của Ông José Luzan y Martinez. Tại nơi này, các học sinh học nghề thủ công, tập vẽ bắt chước những họa phẩm của các bậc thầy. Francisco cũng theo học



một nghệ sĩ khác là Nhà Điều Khắc Juan Famierez về phương pháp đổ khuôn và tạc tượng. Vào thế kỷ 18, trong số các nghề thủ công, bộ môn Hội Họa đã vượt lên hạng trên, ngang hàng với Âm Nhạc và Văn Chương bởi vì họa phẩm là sản phẩm của các tài năng thiên phú. Tại Thị Xã Zaragoza, Francisco Goya còn gặp gỡ một họa sĩ trẻ là Ông Francisco Bayeu. Ông Bayeu này cũng học Hội Họa tại Zaragoza,

ngoài ra còn tới Thành Phố Madrid để theo học các họa sư Người Ý do Vua Charles III mang về từ Vương Quốc Naples, với các kiểu mẫu hội họa mới, linh động hơn.

Vào năm 1763, Họa Sĩ Francisco Bayeu và người em Ramon mở ra một phòng vẽ tranh, làm quen với giới nghệ sĩ của Thành Phố Madrid và

là bạn của Họa Sĩ Cung Đình Anton Raphael Mengs. Ông Mengs nhận được lương bổng của Triều Đình Tây Ban Nha và được phong là Họa Sĩ của Nhà Vua vào năm 1786.

Francisco Goya khi tới tuổi 17, đã theo học anh em Ông Bayeu và là người thợ phụ trong xưởng vẽ. Vào thời đó, Hàn Lâm Viện Hoàng Gia tại San Fernando mỗi ba năm đều tổ chức một cuộc thi học bổng hội họa. Goya đã tham dự hai lần vào các năm 1763 và 1766 nhưng đều gặp thất bại. Không nản lòng, Goya qua Thành Phố Rome vào cuối thập niên 1760 để học hỏi thêm. Nhờ thời gian du học này, Francisco Goya đã nhìn thấy kho tàng nghệ thuật của Nước Ý.

Tới tháng 4 năm 1771, Francisco Goya nộp tranh vào kỳ thi hội họa tổ chức do Hàn Lâm Viện Nghệ Thuật Hoàng Gia tại Parma và đoạt giải nhì. Sau lần thành công này, Goya trở về Thị Xã Zaragoza vào tháng 6 năm đó, và khi ở lứa tuổi 25, đã nhận đơn đặt hàng đầu tiên là vẽ bức tranh tường (fresco) có tên là "*Tôn Sùng Thượng Đế*" (The Adoration of the Name of God) bên trong Giáo Đường Santa Maria del Pilar. Họa Sĩ Goya được trả công 15,000 đồng reales, một số tiền tương đương với 18 tháng lương của một viên chức cùng thời. Bức tranh tường đã làm cho Francisco Goya nổi tiếng và vào năm 1773, Goya đã kiếm được nhiều tiền hơn Ông Thầy Luzan. Chàng Họa Sĩ Goya cưới Cô nàng Josefa Bayeu vào ngày 25-7-1773 và cư ngụ tại Đường Noah's Ark.

Francisco Goya được Họa Sĩ Anton Mengs mời tới Madrid vào mùa đông năm 1774, để làm việc tại xưởng dệt thảm hoàng gia, nơi có các người thợ Flemish danh tiếng làm ra sản phẩm từ các bức họa của Ông Mengs. Do là một người ham săn bắn, Vua Charles III đã đặt xưởng dệt làm 9 tấm thảm mô tả cảnh đi săn để treo trong phòng ăn của Lâu Đài Escorial, tọa lạc tại phía bắc của Thành Phố Madrid. Goya vì vậy đã sáng tác 9 bức vẽ trong đó có đủ các thú vật như chó

săn, lợn rừng, chim muông , 5 bức xong vào ngày 24/5/1775, 4 bức còn lại vào ngày 30/8. Tới tháng 7 năm 1776, Họa Sĩ Mengs đã thu xếp cho Francisco Goya được trả lương năm là 8,000 đồng reales.

Vào ngày 29/6/1779, Họa Sĩ Mengs qua đời. Francisco Goya nộp đơn xin làm họa sĩ cung đình nhưng gặp thất bại trước Họa Sĩ Mariano Salvador Maella, rồi nhờ họa phẩm "*Chúa Ki-Tô trên Cây Thánh Giá*" (Christ on the Cross), Goya được chấp thuận vào Hàn Lâm Viện Hoàng Gia San Fernando, là một Hàn Lâm Viện Nghệ Thuật quan trọng bậc nhất của xứ Tây Ban Nha. Một tháng sau, Hàn Lâm Viện kể trên lại nhận một nhà văn kiêm luật sư tên là Gaspar Melchor de Jovellanos. Ông Jovellanos là người đã được Vua Charles III chọn làm quan tòa hoàng gia (royal magistrate), là một nhân vật tiến bộ, đã đặt nền móng kinh tế và chính trị mới, tìm cách hủy bỏ chế độ phong kiến tại Tây Ban Nha, theo đuổi Phong Trào Khai Sáng (The Enlightenment) của thời đại Lý Trí (the Age of Reason) chủ trương do các nhà tư tưởng hàng đầu của thế kỷ 18 như Voltaire, Diderot, J. J. Rousseau.

Do cùng ở trong Hàn Lâm Viện San Fernando, Francisco Goya đã chịu ảnh hưởng của Ông Jovellanos và được ông này giới thiệu vẽ nhiều tác phẩm trả thù lao cao tại Thành Phố Salamanca nhưng các họa phẩm này bị phá hủy khi Quân Đội Pháp xâm lăng Tây Ban Nha. Về sau vào năm 1798, Francisco Goya vẽ chân dung của Ông Jovellanos, một tác phẩm biểu lộ lối bút pháp trưởng thành.

Francisco Goya đã sáng tác rất phong phú trong thập niên 1780. Các chân dung của ông đã ra khỏi truyền thống diễn tả cũ, với đề tài có vẻ như bị lạc lõng trong một thế giới xa lạ và trống rỗng. Theo nhà sử học về nghệ thuật Fred Licht, các chân dung này mô tả bản chất cô đơn của đời người trong một thế giới thay đổi nhanh

chóng. Nhà Danh Họa Goya cũng vẽ một nhóm người, chẳng hạn như hai họa phẩm "*Gia đình của Don Luis*" (1784) và "*Gia đình của Bá Tước Osuna*" (1788).

Vào năm 1781, Vua Charles III tổ chức một kỳ thi để chọn ra 7 họa sĩ có tài, dùng vào việc trang trí Nhà Thờ San Francisco del Grande của Thành Phố Madrid. Francisco Goya dĩ nhiên được chọn lựa và được coi là người đứng đầu, lo việc vẽ bức tranh lớn nhất và quan trọng nhất của khu thờ chính. Họa sĩ Goya còn được giới thiệu vẽ chân dung gia đình của người em nhà vua là Don Luis de Borbon và họa phẩm của Goya được đánh giá rất cao, tới độ người vợ của họa sĩ được trao tặng một chiếc mũ bằng vàng và bạc, trị giá tới 30,000 đồng reales. Điều không may cho Họa Sĩ Goya là Hoàng Thân Don Luis sớm qua đời, khiến cho mối liên lạc hoàng gia này đã bị chấm dứt.

Francisco Goya có một đứa con trai vào năm 1784, đặt tên là Francisco Javier Pedro. Đây là người con duy nhất sống còn tới tuổi trưởng thành và bức họa mà họa sĩ Goya vẽ cậu Javier khi 19 tuổi được coi là một trong các bức danh họa mô tả thời thanh niên.

Danh tiếng của Francisco Goya vẫn gia tăng. Họa sĩ được chọn làm phụ tá giám đốc về Hội Họa tại Hàn Lâm Viện Hoàng Gia San Fernando vào năm 1785 rồi vào tháng 6 năm sau, trở thành họa sĩ cung đình với người anh vợ tên là Ramon Bayeu, lãnh lương năm là 15,000 đồng reales. Trong thời gian này, Goya làm quen được với Ông Bà Bá Tước Osuna. Bà Bá Tước Osuna được mọi người coi là "*phụ nữ đặc sắc nhất của Thành Phố Madrid*", bà ta cũng là người ham cưỡi ngựa, mê coi đấu bò rừng, thích làm bạn với các nhà văn, các nghệ sĩ, các diễn viên Họa Sĩ Goya được Ông Bà Bá Tước coi trọng, thường được mời tới lâu đài tại miền quê tên là La Alameda và chính tại nơi đây,

Francisco Goya đã sáng tác vài họa phẩm đặc sắc. Thế nhưng, Bà Bá Tước Osuna cũng là đối thủ của một phụ nữ đẹp là Bà Bá Tước Alba, một người đã ảnh hưởng vào cuộc đời và nghệ thuật của Họa Sĩ Goya.

Ngày 14/12/1788, Vua Charles III qua đời. Các Sử Gia Tây Ban Nha đều công nhận rằng đây là nhà vua vĩ đại bậc nhất của nước này trong khi Vua Ferdinand VII bị coi là con người tệ hại nhất. Lên nối ngôi là Vua Charles IV. Vào ngày 25/4/1789, Francisco Goya được thăng cấp thành họa sĩ của nhà vua.

2/ Họa sĩ Cung Đình.

Trong hai thập niên 1780 và 1790, Francisco Goya đã vẽ rất nhiều chân dung cho hoàng gia, cho các nhà quý tộc, các nhân viên cao cấp, các nhà giàu của nước Tây Ban Nha. Nhà danh họa phải làm việc mỗi ngày 10 giờ và chuyện còn kể rằng vào ban đêm lúc vẽ trong phòng, Ông Goya đã phải đội một chiếc mũ lớn trên đó có gắn nhiều ngọn nến. Do làm việc nhiều, Francisco Goya mua được một căn nhà và sắm được một chiếc xe ngựa hai bánh, đây là thứ đắt tiền, sang trọng và hiếm thấy của Thành Phố Madrid. Nhà danh họa cũng hưởng thụ một cuộc sống vật chất đầy đủ, với âm nhạc, với các loại thực phẩm đắt tiền.

Công việc vẽ chân dung cho các nhân vật thuộc Vương Triều Tây Ban Nha thực ra chỉ bắt đầu vào năm 1783 khi Francisco Goya nhận lệ phí để vẽ một chân dung toàn thân của Bá Tước Floridablanca, tên thực là Jose Monino y Redondo. Đây là nhân vật quan trọng nhất trong triều đình Tây Ban Nha, một người có cảm tình với Phong Trào Khai Sáng (the Enlightenment), với các đạo luật cấp tiến về kinh tế và xã hội được thi hành dưới thời Vua Charles III. Bá Tước Floridablanca đã vừa lòng về tác phẩm chân dung của mình, nên đặt Francisco Goya vẽ thêm 6 tấm tranh cho ngân hàng San Carlos mà ông

mới sáng lập. Trong hai năm 1785-86, Nhà Danh Họa Goya cũng vẽ các bức "*Chân dung của Nữ Bá Tước Benavente*" và "*Chân dung của Hầu Tước Pontejos*". Các họa phẩm này có màu sắc rất rực rỡ, diễn tả rõ ràng thứ chất liệu của y phục đề tài. Nữ Bá Tước Benavente cũng là Bà Bá Tước Osuna và bức chân dung của bà này đã ảnh hưởng tới một trong các họa sĩ danh tiếng người Pháp của thế kỷ 19, đó là Ông Edouard Manet, thuộc Trường Phái Hội Họa Mới. Các họa sĩ Pháp thời đó đã gọi Manet là "*người Tây Ban Nha của thành phố Paris*".

Từ năm 1794, Francisco Goya quay sang tìm hứng khởi và sự trợ giúp của một người đàn bà đẹp nhất thời đó: Bà Bá Tước Alba. Nữ Bá Tước tóc đen này, sinh năm 1762, đã thừa hưởng danh hiệu quý tộc, một tài sản lớn và kết hôn ở lứa tuổi 13 với một nhà quý tộc cao cấp là Hầu Tước miền Villafranca. Bà Bá Tước Alba nổi danh về sắc đẹp tới độ khi bà ta đi qua đường, các trẻ em đã ngừng chơi đùa để ngắm nhìn diện mạo và dáng vẻ của bà. Ngoài vẻ đẹp, Bà Alba còn là một phụ nữ hay thay đổi tính tình và cứng đầu, bà tin rằng các người đàn ông thường thèm muốn bà và vẻ đẹp của bà là mẫu mực của các phụ nữ khác. Bà Alba lại coi thường lối sống quy ước, ưa thích ăn mặc giống như lớp người "*maja*" thuộc giai tầng thấp của xã hội.

Vào một ngày trong năm 1794, Bà Bá Tước Alba, khi đó 32 tuổi, đã tới phòng tranh của Francisco Goya để nhờ nhà danh họa 50 tuổi này vẽ một bức chân dung toàn thân: áo lụa trắng, tóc dài đen, vòng đeo cổ màu đỏ với con chó con màu trắng nằm dưới chân, toàn cảnh trong sự nhịp nhàng về màu sắc. Vào mùa hè năm 1895, Francisco Goya thường lui tới lâu đài của Bà Alba để vẽ các chân dung cho gia đình này trong khi đó, Bà Bá Tước này còn tìm cách gây cảm tình với nhà đấu bò danh tiếng Pedro Romero, ưa thích gây bất hòa với Nữ Bá Tước Osuna và

Hoàng Hậu Maria Luisa. Kết quả của mối tệ hiềm là Bà Bá Tước Alba bị Hoàng Hậu cấm lui tới triều đình.

Khi người chồng qua đời vào năm 1796, Bà Alba trở về miền đất sở hữu tại Sanlucar de Barrameda, gần Thành Phố Cadiz và sau đó, Nhà Danh Họa Goya cũng lui tới nơi này. Hai người từ nay là hai tình nhân và Francisco Goya đã vẽ người đàn bà này mặc bộ áo lụa đen, với cánh tay trái đeo hai cái vòng, một chiếc ghi chữ "*Alba*" còn chiếc kia ghi tên "*Goya*". Trong tấm tranh, bàn tay phải của đề tài lại chỉ xuống mặt đất, có vạch giòng chữ "*Chỉ có Goya*" (Solo Goya). Người ta tin rằng chính vào thời gian này, Francisco Goya đã vẽ bức họa "*Maja khỏa thân*" (The Naked Maja) với thân hình là của Bà Bá Tước Alba còn bộ mặt được thay thế bằng diện mạo của người đàn bà khác. Sự liên hệ giữa nhà danh họa và Bà Bá Tước không kéo dài được lâu vì Francisco Goya rời khỏi Sanlucar vào năm 1797 rồi 5 năm sau, Bà Bá Tước Alba qua đời ở lứa tuổi 40.

Vào ngày 31/10/1799, Francisco Goya được Thủ Tướng Mariano Luis de Urquijo chấp nhận là Họa Sĩ bậc nhất của cung đình với lương năm là 50,000 đồng reales, rồi tới đầu năm 1800, được mời vẽ cho gia đình Vua Charles IV. Đây là một trong các vị vua bất tài của Nước Tây Ban Nha và con trai của nhà vua này là Ferdinand VII về sau trở thành con người tệ hại nhất trong lịch sử của xứ Tây Ban Nha.

3/ Tâm tư của Nhà Danh Họa Goya

Qua đầu thế kỷ 19, Francisco Goya là nhà danh họa bậc nhất được khen ngợi, với danh vọng và tài sản được bảo đảm. Ông thường giao du với nhiều nhân vật uy tín nhưng trong hoàn cảnh sinh sống tốt đẹp này, nhà danh họa đã mắc bệnh tâm thần.

Từ năm 1792, Họa Sĩ Goya cảm thấy bị mất thăng bằng, khó khăn khi lắng nghe, mắt kém, nói năng mê sảng. Tình trạng bệnh hoạn này đã biểu lộ qua một loạt bản khắc họa (etchings) có tên là "*Los Caprichos*". Francisco Goya đi tìm thứ thế giới nội tâm rồi các tư tưởng và cảm giác cá nhân được bộc lộ ra bằng những sáng tác nghệ thuật và những thứ này không phải do đơn đặt hàng. Trí tưởng tượng của nhà danh họa đã thể hiện ra bằng một loạt công trình sáng tạo riêng tư vừa mang tính bí ẩn, vừa mô tả sự ghê rợn, đó là loại "*Họa Phẩm Màu Đen*" (Black Paintings).

Khởi đầu, Francisco Goya vẽ 11 bức tranh nhỏ mà nhà danh họa gọi là "*Tranh Lạc Hướng*" (Diversiones Nacionales) và gửi sáng tác cho Ông Bernado de Iriate, một nhà văn giữ chức vụ Phó Giám Đốc của Hàn Lâm Viện San Fernando. Đề tài của những bức họa này là cảnh đầu bò rừng, cảnh đấm tầu, cảnh người bán hàng rong, cảnh nhà thương điên Họa Sĩ Goya bắt đầu nhìn thấy một thứ thế giới đồi bại, trong đó con người bị đối xử xấu xa hơn con vật. Đây là thứ "*thế giới đen*" và trong mọi bóng tối của nơi này đều chứa đựng các điều ác. Hai bức họa "*Nhà của kẻ điên*" (Madhouse) và "*Sân chứa người khùng*" (Courtyard with Lunatics) là cách mô tả theo hiện thực các diện đen tối của đời sống. Francisco Goya tiếp tục khai thác "*tính chất điên dại*" của con người, với bộ mặt bị vẽ méo xẹo đi, với cảnh người điên treo cánh tay, treo đầu vào các thanh sắt của phòng giam. Nhà danh họa còn vẽ các kẻ nghiện rượu, các gái điếm, bộc lộ cảm tưởng đối với mọi khía cạnh bất thường của cuộc sống xã hội.

Khi Francisco Goya trở về Madrid vào năm 1797, ông đã đi tìm mua các đĩa lớn bằng đồng và các dụng cụ khắc nét rồi bằng phương tiện này, nhà danh họa đã mô tả theo trí tưởng tượng. Vào ngày 6/2/1799, người ta thấy xuất hiện trên

tờ Báo Diario de Madrid lời rao bán một loạt 80 bức vẽ khắc nét bởi Francisco Goya với giá 4 đồng reales một đĩa. Ông Bà Bá Tước Osuna là người đầu tiên mua loại bản vẽ này. Thế nhưng, nhà danh họa Goya phải ngưng loại sáng tác này bởi vì loại tranh Los Caprichos đã chế giễu sự tham nhũng của giới tu sĩ, chỉ trích tính ngu xuẩn của giới quý tộc Tây Ban Nha, đã phản kháng loại thuế bất công làm cho giới lao động nghèo khó.

Đề tài của các bản vẽ mới là sự ngu xuẩn và nhầm lẫn của xã hội, tính ích kỷ và đối trá của con người, lòng cuồng tín tôn giáo và loại tòa án tôn giáo áp chế Hơn nữa, loại tranh Los Caprichos còn phản ánh các tư tưởng của Phong Trào Khai Sáng Tây Ban Nha, chẳng hạn bức vẽ Caprichos số 43 đã mô tả một nghệ sĩ hay một nhà văn đang gục đầu ngủ, phía trên là các con cú, các con dơi. . ., đây là những con vật của cơn ác mộng. Vào thế kỷ 18, con cú không tượng trưng cho sự khôn ngoan như theo ý nghĩa của thời nay, mà là hình ảnh của sự ngu dốt và điên khùng. Nhà Danh Họa Goya muốn nói ra rằng một xã hội sẽ không thể có được lý trí (reason) nếu đặt căn bản trên các điều mê tín của tôn giáo và trên tập quán mù quáng của giới quý tộc. Ngoài ra còn có các bản vẽ số 39, số 42, số 49, số 79 vẽ con lừa, vẽ loại quỷ mặc áo thầy tu Francisco Goya đã bị ảnh hưởng của ông Jovellanos, một nhà trí thức thường công kích hệ thống thuế vụ, chỉ trích đời sống quý tộc và chế rỗi các bà mệnh phụ ưa thích kết hôn vì địa vị hơn là vì tình yêu.

Các bản vẽ khắc nét Los Caprichos đã được vị Đại Sứ Pháp tại Tây Ban Nha chú ý, đó là ông Ferdinand Guillemardet. Ông Đại Sứ này đã mua một số bản vẽ và mang về Pháp. Người con đỡ đầu của ông là Eugène Delacroix, một họa sĩ danh tiếng của Phong Trào Lãng Mạn. Delacroix đã phải cảm phục Goya về cách diễn tả ánh sáng và bóng tối, và thiên tài của Goya bộc lộ

qua cách bố cục mới lạ. Các bản vẽ Los Caprichos đã tránh né các chi tiết dư thừa, đề tài được đặt rải rác khiến cho con mắt của người ngắm tranh phải tập trung vào bi kịch trung tâm. Cách mô tả cơn ác mộng trong các bản vẽ này còn gây ảnh hưởng tới nhà thơ người Pháp Charles Baudelaire, một thi hào hàng đầu của thế kỷ 19.

Trong các năm từ 1815 tới 1824, Francisco Goya đã cho ra đời một loạt bản vẽ khắc nhỏ hơn với tên là "*Disparates*" (Điên Rồ) và loạt thứ hai "*Tauromaquia*" mô tả cảnh đấu bò rừng. Nhưng loạt tác phẩm hội họa danh tiếng nhất của Francisco Goya là bộ tranh "*Tai họa của Chiến Tranh*" (Disasters of War) với 85 bức vẽ mô tả cuộc chiến tranh đẫm máu của người dân Tây Ban Nha khi quân đội Pháp của Napoléon xâm lăng xứ sở này.

Vào năm 1807, người dân Tây Ban Nha chán nản trước cảnh tham nhũng của triều đình Vua Charles IV, đồng thời Hoàng Tử Ferdinand VII cũng muốn tranh giành ngôi báu. Lợi dụng sự chia rẽ trong vương triều và lòng bất mãn của dân chúng, quân đội Pháp đã tràn vào xứ Tây Ban Nha, chiếm đóng thành phố Madrid và Trận Chiến Tranh Bán Đảo (the Peninsular War) bắt đầu vào ngày 2/5/1808. Ngày 6/6/1808, Hoàng Đế Napoléon Bonaparte phong cho người anh là Joseph làm Vua xứ Tây Ban Nha. Dân chúng Tây Ban Nha đã bất phục, nổi lên chống lại quân đội Pháp bằng những toán quân du kích, với số lượng 30,000 toán hoạt động rải rác trên toàn lãnh thổ Tây Ban Nha.

Tới tháng 8/1808, do lòng can đảm của người dân địa phương, quân đội Pháp đã bị đẩy lui khỏi thành phố Zaragoza và Tướng Jose de Palafox đã mời nhà danh họa Goya tới viếng thăm thành phố này để ghi chép các vinh quang của người dân. Khi quay trở lại, quân đội Pháp đã trả thù. Thành phố Zaragoza bị phá hủy vào ngày 21/2/1809,

hàng ngàn người bị giết chết. Các bản vẽ số 36 - 39 của nhà danh họa Goya đã mô tả nhiều cảnh tàn nhẫn. Xác người treo trên cây trong khi binh lính Pháp đứng nhìn. Có nhiều cảnh về binh lính Pháp tàn sát dân chúng, cảnh đàn bà trẻ em chống cự quân xâm lăng. Bức "*Tai Họa số 5*" có phụ đề là "*họ giống như các con thú dữ*", vẽ cảnh một phụ nữ một tay bế con thơ, một tay cầm ngọn giáo đâm vào bụng của một binh lính Pháp.

Tuy nhiên vào năm 1810, Francisco Goya được tòa thị chính Madrid đặt vẽ chân dung của Vua Joseph Napoléon. Người ta đã nghi ngờ lòng ái quốc của nhà danh họa Goya. Thực ra, Francisco Goya có cảm tình với Phong Trào Khai Sáng và vài người bạn của ông, như các ông Moratin và Valdes đã làm việc cho triều đình của Vua Joseph. Nhà vua người Pháp này khi cai trị xứ sở Tây Ban Nha, đã ra các đạo luật hủy bỏ loại tòa án tôn giáo (the Inquisition), triệt hạ hai phần ba các tu viện và tước quyền của hai giới quý tộc và tu sĩ. Cho nên phải nói một cách công bằng rằng nhà danh họa Goya đã ủng hộ các tư tưởng "xây dựng mới" của chính quyền Pháp đồng thời cũng lên án "sự tàn ác" của người Pháp xâm lăng. Một câu chuyện kể lại rằng có người hỏi nhà danh họa tại sao vẽ các cảnh man rợ mà con người phạm phải, thì Francisco Goya trả lời: "*để nói cho mọi người đừng bao giờ hành động man rợ*".

Vào năm 1813, người dân Tây Ban Nha vùng dậy do sự giúp đỡ của quân đội Anh chỉ huy bởi Hầu Tước Wellington, Vua Joseph Napoléon phải chạy khỏi thành phố Madrid và Ferdinand VII lên ngai vàng. Sau khi chiếm quyền, nhà vua này đã hủy bỏ mọi cải cách, phục hồi quyền lực của nhà thờ Cơ Đốc, đặt ra tòa án tôn giáo. Người dân Tây Ban Nha lại chịu cảnh đàn áp mới. Các người có cảm tình với người Pháp khi trước, như hai ông Moratin và Valdes, phải bỏ xứ ra đi, nhiều người khác bị bắt

giam. Nhà danh họa Goya phải vẽ ra vài tác phẩm mang tính ái quốc để làm vừa lòng triều đình Ferdinand VII.

Từ ngày 8 tháng 3 năm 1814, Francisco Goya vẽ họa phẩm "*Ngày 2 tháng 5*" (The Second of May) mô tả "*Cuộc nổi dậy tại Puerta del Sol*" và họa phẩm "*Ngày 3 tháng 5*" (The Third of May) trình bày "*Cuộc hành hình các người Madrilenos*".

Trước kia vào năm 1808, khi quân đội Pháp chiếm đóng thành phố Madrid và bắt giam Vua Tây Ban Nha, người dân Madrid được gọi tên là "Madrilenos" đã không có phản ứng, nhưng tới ngày 2 tháng 5, khi binh lính Pháp đi bắt thêm các gia đình hoàng gia thì trên đường phố Madrid, đặc biệt tại Công Trường Puerta del Sol, người dân Tây Ban Nha đã chống cự. Từ các bao lớn, từ các cửa sổ, trên các nóc nhà... dân chúng đã ném gạch đá vào quân đội Pháp. Vua Joseph Napoléon đã dùng đoàn quân Mamluks gốc Ai Cập, tàn sát người dân thành phố Madrid. Các người dân bị nghi ngờ tham gia vào cuộc nổi loạn này bị đưa đi xử bắn trên ngọn đồi Principe Pio, bên ngoài thành phố.

Trong họa phẩm "*Ngày 2 tháng 5*", Francisco Goya đã vẽ cảnh tàn sát tại phần tiền cảnh (foreground) để người ngắm tranh dễ thấy nổi khùng khiếp của chiến tranh, với quân Mamluks và người dân thành phố chém giết nhau, mặt đối mặt, võ khí mọi hướng, thân người ngã gục trong cảnh hỗn loạn và nhà phê bình Fred Licht đã nhận xét rằng trong họa phẩm này, không có một bố cục trung tâm nào, không có một nhân vật chính nào bởi vì nhà danh họa Goya muốn trình bày cảnh tàn sát không nương tay của cả hai phía.

Trong họa phẩm "*Ngày 3 tháng 5*", nhà danh họa làm tăng thêm nỗi kinh hoàng, diễn tả cảnh tàn nhẫn trên ngọn đồi Principe Pio. Các người lính Pháp đã quay lưng lại, không để thấy rõ

mặt. Họ là các kẻ sát nhân vô danh. Tiền cảnh là nền đất đầm máu với xác người đè lên nhau và hậu cảnh mô tả vài người ôm mặt. Nhưng trong ánh sáng của ngọn đèn chiếu tối, có vẽ một kẻ anh hùng đang giang hai cánh tay thách đố, coi thường cõi chết. Sức mạnh mô tả qua họa phẩm "*Ngày 3 tháng 5*" của Francisco Goya đã được vài nhà danh họa khác bắt chước, chẳng hạn như họa sĩ người Pháp Edward Manet trong họa phẩm "*Hành Quyết Maximilian*" (the Execution of Maximilian) hay họa sĩ Pablo Picasso qua bức vẽ "*Tàn Sát tại Triều Tiên*" (Massacre at Korea) thực hiện năm 1951. Ngày nay, hai họa phẩm kể trên của Francisco Goya là thứ được Viện Bảo Tàng Prado trân trọng nhất nhưng vào thời kỳ trước, Viện Bảo Tàng đã không cho trưng bày hai tấm tranh kể trên của nhà danh họa trong 40 năm.

Vào năm 1812, bà vợ Josefa của Francisco Goya qua đời. Nhà danh họa kết nối liên hệ tình cảm với cô nàng Leocadia Zorilla, một thiếu nữ đáng tuổi con gái của mình và điều này đã gây ra mối bất hòa với người con trai Javier. Tới tháng 10 năm 1814, Zorilla sinh ra một bé gái đặt tên là Maria del Rosario, chính thức ghi sổ là con của ông Isidro Weiss, người chồng đã qua đời của nàng Zorilla. Francisco Goya có lẽ là người cha thực sự của đứa bé này.

Từ năm 1814, chính quyền đàn áp của Vua Ferdinand VII đã lập lại tòa án tôn giáo, với các quan tòa do nhà vua chỉ định, để truy tố các người dân Tây Ban Nha có cảm tình với quân đội Pháp khi trước, để đàn áp các kẻ chống đối chính trị. Vào tháng 3 năm 1815, Francisco Goya bị gọi ra trình diện trước tòa án tôn giáo, trên đầu đội một chiếc mũ cao hình chóp nón (coroza), mình mặc một loại áo dài không cánh tay (sanbenito). Nhà danh họa 68 tuổi, vừa điếc tai, vừa yếu đuối vì nhiều bệnh tật, phải cất nghĩa lý do của bức họa xấu xa "*Maja khỏa thân*" (the Naked Maja), mặc dù trong nhiều

thập niên, vương triều Tây Ban Nha đã từng thu thập các tác phẩm hội họa khỏa thân. Cuộc xét xử này thực ra là cách hành hạ nhà danh họa vì những tư tưởng chính trị trước và sau cuộc chiến tranh của người Tây Ban Nha chống lại quân đội Pháp. Nhờ hai người làm chứng xác nhận lòng yêu nước và các hoạt động của nhà danh họa trong thời kỳ chiến tranh, nhờ một nhân viên trong ban xét xử của tòa án tôn giáo công nhận rằng họa phẩm "*Maja khỏa thân*" bắt nguồn từ các họa phẩm của nhà danh họa Titian gốc Ý và nhà danh họa Tây Ban Nha Diego Velazquez (1599-1660), tòa án tôn giáo đã không kết tội Francisco Goya ngoài điều bắt buộc một thời gian "*sám hối*".

4/ Các họa phẩm đen.

Vào ngày 17/2/1819, Francisco Goya mua một căn nhà miền quê có tên là Quinta del Sordo (căn nhà của người điếc), tọa lạc tại phía bên kia giòng sông Manzanares. Căn nhà này có vườn rộng, có giếng nước, có vườn nho và nhà danh họa đã sống với nàng Leocadia Zorilla cùng đứa bé gái 5 tuổi, tên thường gọi là Rosarito. Francisco Goya bị bệnh tật trong các năm cuối đời, sống nhờ sự chăm sóc của nàng Zorilla và nhờ cách chữa trị của bác sĩ Eugenio Garcia Arrieta.

Từ năm 1820 tới năm 1824, nhà danh họa Goya thực hiện các bức tranh mà người đời sau gọi tên là "*các họa phẩm đen*" (Black Paintings), lúc đầu được vẽ vào tường phòng ăn, về sau được chuyển sang vải bố. Khi vào trong phòng ăn, người ta thấy ba tấm tranh lớn: "*Quý Saturn đang ăn thịt con*" (Saturn Devouring His Son) và "*Judith với cái đầu của Holofernes*" (Judith with the Head of Holofernes). Đây là viên tướng người Assyrian đã bị giết bởi nàng góa phụ Judith của thành phố Bethulia. Tác phẩm thứ ba của Francisco Goya có tên là "*Ngày nghỉ của các phù thủy*" (The Witches' Sabbath) trong đó

con quỷ có bề ngoài là con dê đang thuyết giảng cho đám phù thủy mặc áo nhà tu. Nhà danh họa đã chế riều giới tu sĩ trong y phục của thú vật.

Vào năm 1823 tại xứ Tây Ban Nha, chính quyền khắc nghiệt của Vua Ferdinand VII đã bao trùm khắp nơi. Nhiều người bị bắt giữa đêm khuya và các tòa án quân sự chỉ thi hành luật pháp một cách sơ sài. Tây Ban Nha trở thành xứ sở mất tự do nhất của châu Âu và tình trạng đe dọa này khiến cho nhà danh họa Goya phải bỏ trốn. Sau khi bàn giao căn nhà cho người cháu là Mariano, Francisco Goya tới trú ẩn tại nhà một người bạn tên là Jose Duaso y Latre.

Tới khi Vua Ferdinand công bố lệnh ân xá, nhà danh họa Goya xin phép du lịch qua nước Pháp trong 6 tháng để chữa bệnh, ông xin phép ra đi một phần vì không muốn bị nghi ngờ về lòng thiếu trung thành, một phần vì muốn duy trì số tiền lương do chính quyền cung cấp. Ngày 24/6/1824, nhà danh họa dừng chân tại thành phố Bordeaux, nơi cư ngụ của người bạn cũ là Leandro de Moratin. Ông Moratin đã mô tả nhà danh họa là "*một ông già vừa điếc, vừa yếu đuối, không biết một câu tiếng Pháp nhưng lại muốn thử mọi thứ mới lạ*". Francisco Goya tới thủ đô Paris vài ngày rồi quay trở về Bordeaux vì ông bạn Moratin e ngại rằng thời tiết mùa đông của thành phố đó sẽ ảnh hưởng xấu tới sức khỏe của nhà danh họa.

Tại Bordeaux vào thời gian này đã có một cộng đồng nhỏ người Tây Ban Nha lưu vong và Francisco Goya vui hưởng một cuộc sống tiện nghi, bên nàng Zorilla và cô bé Rosarito từ Tây Ban Nha qua theo. Nhà danh họa tiếp tục vẽ một loạt bản khắc nét nhưng không thuộc loại tác phẩm đen nữa, vẽ một số chân dung và vẽ cỡ nhỏ trên ngà voi. Tới tháng 5-1826, nhà danh họa 80 tuổi này trở về thành phố Madrid, xin chính quyền số tiền hưu bổng của chức vụ họa sĩ cung đình. Sau một tháng cứu xét, nhà vua đã

ban cho Francisco Goya 50,000 đồng reales và nhà danh họa trở lại Bordeaux, lòng đầy vui sướng. Francisco Goya cũng trở về Madrid vài lần nữa và trong một lần, ông đã vẽ chân dung cho đứa cháu Mariano, 19 tuổi, giống như bức chân dung khi trước của người con trai Javier cũng 19 tuổi.

Tại thành phố Madrid, người thay thế Francisco Goya làm họa sĩ cung đình bậc nhất là Vicente Lopez, đã yêu cầu nhà danh họa ngồi làm mẫu cho một bức chân dung, trong đó họa sĩ Goya cầm miếng pha màu cùng vài cây cọ.

Vào tháng 2 năm 1828, Francisco Goya lâm bệnh, nên có dặn vợ chồng người cháu Mariano qua Bordeaux. Ngày 28/3, cặp vợ chồng này tới nơi thì vào ngày 16/4/1828, nhà danh họa Francisco Goya thở hơi cuối cùng, bên cạnh gia đình và vài người bạn.

Francisco Goya được chôn cất tại Bordeaux nhưng tới năm 1901, dân chúng Tây Ban Nha muốn mang nắm xương tàn của nhà danh họa về chôn tại thành phố Madrid. Cuối cùng vào năm 1928, mảnh đất của ngôi nhà thờ nhỏ San Antonio de la Florida là nơi an nghỉ cuối cùng của nhà danh họa, vì vào năm 1798, Francisco Goya đã trang trí vòm mái của ngôi giáo đường này.

Francisco Goya là họa sĩ tìm cách khám phá chiều sâu âm đạm của tâm hồn con người với cơn giận dữ, với nỗi sợ hãi, với cảnh bất công, cảnh chém giết mà trước ông, chưa từng có họa sĩ nào đam mê theo đuổi. Các họa phẩm rực rỡ của Francisco Goya là các hình ảnh của Lịch Sử. Nhà danh họa Goya đã tạo ra ảnh hưởng sâu đậm tới các họa sĩ sáng tác về sau và làm thay đổi chiều hướng của Nghệ Thuật Hội Họa Tây Phương./.

Phạm Văn Tuấn (Virginia)



PHÒNG MẠCH BÁC SĨ VÕ ĐẠM

**591 University Blvd. East
Silver Spring, Md 20901**

**Nay đã được trang bị máy móc tối tân
để điều trị các chấn thương do
TAI NẠN LƯU THÔNG**

**Đ.T. (301) 434-4943
Cell Phone (24/24): (240) 422-3454**



HÃY MỞ RA VÀ CÙNG HÁT

AVE MARIA

Tôi sinh ngày 25 tháng 12.. cho nên có một
tên bạn, hẳn là con trai và đã viết
Đêm rất thánh, cho ta chào sinh nhật
Tóc trắng đường ử một mối tình êm

Và

Tháng chạp khi ta về
Lá trên cành bỗng xôn xao rơi rụng trên tóc
chia trăm đường phiêu bạt.

Đêm bản bật đong đầy trong mắt trên môi.
Hãy tưởng tượng em yêu dấu,

rằng

Cũng một đêm nào tháng chạp năm xưa
Trong một ngôi nhà có hai mái úp
Nghiêng nghiêng như thể một con ngài say
ngủ

Hàng dậu bao quanh thăm thì cùng cây lá
trong vườn đang lá lơi với gió.

Hãy tiếp tục tưởng tượng em yêu dấu,
rằng

Không gian đang nhã nhạc vang lừng
Đang chào mừng đêm rất thánh

Cỏ hoa cây lá lao đao

Đất trời nghiêng ngã

Và ta và em quay cuồng trong tiếng nhạc cao
ngất trời xanh thẳm

Trong nụ hôn triền miên không dứt

Hãy tưởng tượng em yêu dấu,
rằng

Em đã đến sau Người

Với tình yêu ngút ngàn

Làm quà giáng sinh tuyệt vời

Ta sẽ đưa em đi

Giới thiệu với mọi người

Cảm ơn cha, cảm ơn mẹ

Đã cho em có mặt ở tinh cầu này
Cảm ơn em đã cho ta nghiệt ngã tình đầu
Hãy mở ra và cùng ta hát Ave Maria
Bởi đêm nay Người cũng xuống trần...

12/25/1976

HOÀNG DUNG

(NDT)



DƯỚI CHÂN ĐỨC MẸ

Tranh

Vũ Thái Hòa

VĂN THỊ SĨ HỒ TRƯỜNG AN

Phỏng Vấn

NHÀ THƠ VIỆT BẰNG

1.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh cho biết khái quát tiểu sử của anh.

VIỆT BẰNG: Tôi Sinh năm 1937 tại Thị Xã Thái Bình. Thủa ấu thời tôi sống với gia đình bên nội ở ngay thị xã. Quê ngoại ở Bắc Ninh, nhưng hầu hết họ ngoại ở Hà Nội và tôi cũng trải qua những năm đầu của tuổi hoa niên ở Hà Nội.

Cựu học sinh Chu Văn An Sài Gòn, 1955-1956. Cử nhân Văn Khoa Sài Gòn, 1967. B.A. Liberal Studies, San Jose State University, 1997. Hiệu Phó Trường Sinh Ngữ Số 2, Sở Giáo Dục Sài Gòn, 1979-1990.

Có lẽ tôi được hưởng "gen" cần cù học hỏi và làm việc của bên Nội, vì vậy trong cuộc đời, tôi ít vô duyên với những mùa khoa cử ở bậc Trung học và Đại học. Tôi cũng được hưởng cái "gen" Văn Chương và Nghệ Thuật của người sinh trưởng ở vùng Dân ca Quan Họ Bắc Ninh, quê hương của Hoàng Hậu Ý Lan nhà Lý, và Bà Chúa Chè Đặng Thị Huệ, thời Vua Lê Chúa Trịnh.

Tôi đã thực hiện được ba thi phẩm: *Anh Mắt Tình Nhân*, Phụ Nữ Thời Nay xuất bản, 2001; *Những Mảnh Tình Trong Khuôn Viên Đại Học*,



Văn Thị Sĩ
Hồ Trường An

Phượng Đông xuất bản, 2003; *Hình Anh Trôi Đi*, 2005, Cỏ Thơm xuất bản, 2005.

2.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh nói qua quê hương của anh: những thôn làng, liên ranh, sông ngòi, đồng ruộng, đồi núi, các đặc sản, các cư dân.

VIỆT BẰNG: Thái Bình, quê hương tôi, trước năm 1945, gồm ba phủ: Kiến Xương, Thái Ninh và Tiên Hưng và chín huyện: Duyên Hà, Đông Quan,

Hưng Nhân, Phụ Dực, Quỳnh Côi, Thụy Anh, Thư Trì, Tiền Hải, Vũ Tiên.

Theo thân phụ tôi, Cụ Lê Xuân Triêm, thư ký sở Địa Chính, Thái Bình năm 1930 và Cụ Lượng, Tham Sự, Trưởng Phòng Hành Chính thời Kỳ Sư Adams, Người Pháp là Giám Đốc Sở Địa Chính Thái Bình, Trấn Sơn Nam, nơi có Trường Thi Hương Cống như Hà Nội, trước Thời Pháp Thuộc, bao gồm cả hai Tỉnh Nam Định và Thái Bình.

Năm 1880, J.Piquet, Toàn Quyền Đông Dương ký Nghị Định tách Trấn Sơn Nam thành hai tỉnh: Hữu ngạn sông Hồng thuộc tỉnh Nam Định và Tả ngạn Sông Hồng thuộc Tỉnh Thái Bình. Thị Xã Thái Bình được thiết lập tại Làng Trung, Huyện Vũ Tiên, hiện nay vẫn còn di tích

Chùa Trung, Đường Trưng Trắc, Thái Bình. Sau đó, một Nghị định khác của Phủ Toàn Quyền Đông Dương, sát nhập các Huyện Duyên Hà, Hưng Nhân, Thần Khê của Tỉnh Hưng Yên vào địa phận Tỉnh Thái Bình và Huyện Thần Khê, đổi thành Phủ Tiên Hưng, Thái Bình.

Ngày nay, dấu vết Huyện Thần Khê của Hưng Yên vẫn còn lưu truyền trong Ca dao:

"Đã là con mẹ, con cha

Sinh ra ở đất Duyên Hà, Thần Khê."

Theo thống kê 2003 và bản đồ, Thái Bình hiện còn 7 Huyện Đông Hưng, Hưng Hà, Kiến Xương, Quỳnh Phụ, Thái Thụy, Tiền Hải, Vũ Thư. Thái Bình Bắc giáp hai Tỉnh Hải Dương, Hưng Yên, Nam giáp Nam Định, Tây giáp Hà Nam, Đông giáp vịnh Bắc Việt. Vị Trí: Bắc vĩ tuyến: 20o 17 - 20o 44. Đông kinh tuyến: 100o 06-106o 39. Dân số Thái Bình hiện nay khoảng: 1,850,000 dân cư.

Đặc sản của Thái Bình là lựa Bộ La, đã nhiều lần trưng bày tại Hội Chợ Quốc Tế Paris.

3.

HỒ TRƯỜNG AN: Anh còn nhớ món rươi nổi tiếng ở vùng Thái Bình, Nam Định không? Nếu còn nhớ, xin anh nói qua món đặc sản ấy.

VIỆT BẰNG: Rươi là món đặc sản của Thái Bình. Cứ vào tháng 5, tháng 10, mùa nước lớn, nước phù sa đục ngầu có một số ngày có rươi. Ngày con nước rươi, dân quê mang vó ra sông vớt rươi bỏ vào những nồi đất lớn rồi gánh đi bán khắp phố. Rươi là loài thủy trùng, màu nâu, hồng, hay vàng, phía lưng thẫm màu hơn bụng, nhiều chân hơn rết và cuống chiểu, mình dẹp, chân dẹp như mái chèo để thích nghi với sự bơi lội.

Cô tôi thường mua rươi sống đánh với trứng cho thật nhuyễn, thêm thịt băm và hành rồi chiên lên thì có ngay món rươi thơm phức. Rươi là món ăn khoái khẩu của người lớn. Theo các

cụ già, rươi có tác dụng chữa bệnh đau nhức trong những ngày trái gió, trở trời.

4.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh nói qua những danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử ở vùng Thái Bình và những kỷ niệm của anh ở nơi quê hương anh.

VIỆT BẰNG: Năm 1950, tôi rời Thái Bình ở tuổi 14, trong thời loạn lạc, nên không có nhiều cơ hội thăm những thắng cảnh như Bãi Biển Đồng Châu hay Chùa Keo... Mãi đến năm 2003, tôi mới đến thăm Chùa Keo.

Chùa Keo vừa là thắng cảnh, vừa là một di tích lịch sử-văn hóa lừng danh tọa lạc tại Làng Keo, Xã Duy Nhất, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình. Theo sách *Không Lộ Thiền Sư Ký Ngữ Lục*, năm 1061, Không Lộ Thiền Sư dựng Chùa Nghiêm Quang tại Làng Giao Thủy (Làng Keo), Tỉnh Nam Định, sau đổi tên là Thần Quang Tự khi Không Lộ Thiền Sư viên tịch.

Năm 1661, một trận lũ lớn cuốn trôi ra biển cả Làng Keo và ngôi Chùa Thần Quang, dân Làng Keo phải bỏ quê cha đất tổ ra đi. Một nửa dân số rời về Làng Hành Thiện dựng nên Chùa Keo Hành Thiện, Tỉnh Nam Định, hữu ngạn Sông Hồng. Một nửa vượt Sông Hồng lập ra Làng Keo, nay thuộc Xã Duy Nhất, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, tả ngạn Sông Hồng.

Chùa Keo Thái Bình có tên là Thần Quang Tự, xây từ năm 1630 đến năm 1632 theo kiến trúc Thời Lê do sự vận động của Bà Lại Thị Ngọc, vợ Tuân Thọ Hầu Hoàng Nhân Dũng và Đông Cung Vương Phi Trịnh Thị Ngọc Thọ. Chùa đã trải qua những lần trùng tu vào thế kỷ 17, 18. Vào năm 1941, chùa có một kiến trúc quy mô rộng lớn trên một diện tích khoảng 58.000m² với đặc điểm sau: Gác chuông 3 tầng mái, cao 11.04m. Tầng 1, treo một khánh đá dài 1.87m. Tầng 2 có chuông đúc năm 1686. Tầng

3 hay tầng thượng có chuông đúc năm 1786. Bộ khung gác chuông làm bằng gỗ "trò" nâng bổng 12 mái ngói, dáng vẻ thanh thoát, nhẹ nhàng. Toàn bộ kiến trúc của chùa gồm ba ngôi nhà nối liền nhau, trong cùng là gác chuông, nhà tổ và khu tăng xá tổng cộng 128 gian.

Hàng năm có Hội Xuân và Hội Thu. Hội Xuân được tổ chức vào ngày mồng 4 tháng Giêng Âm lịch ngay tại ngôi chùa mang tên làng. Hội Thu mới là hội chính vào các ngày 13, 14 và 15 tháng 9 Âm lịch để kỷ niệm Thiên sư Không Lộ (1016-1094), người sáng lập chùa qua đời ngày mồng 3 tháng 6 Âm lịch. Ngày hội mở đầu bằng lễ rước kiệu, hương án, long đình, và thi thuyền rồng, tiểu đình trên Sông Trà Lĩnh trước cửa chùa, trước khi sông nhập với Sông Hồng. Trong chùa cũng có những cuộc thi diễn xướng đàn ca về nhiều đề tài, người thấy hội từ những tỉnh khác đến tụ tập rất đông vui. Vì vậy, người địa phương có câu ca dao:

*Dù cho cha đánh, mẹ treo
Em không bỏ hội chùa Keo hôm rằm.*

Năm 1943, Chùa Keo được Sở Bảo Tồn Cổ Tích Đông Dương tại Hà Nội xếp loại Cổ Tích Liệt Hạng. Chùa Keo là ngôi cổ tự nổi tiếng hạng nhất ở Việt Nam. Trước cửa Tam Quan có tấm bảng Di Tích Lịch Sử-Văn Hóa Quốc Gia của Bộ Văn Hóa Giáo Dục.

Thái Bình còn những di tích lịch sử khác: Đền Tiên La thờ Bát Nàn Công Chúa. Bà là nữ tướng giỏi, có công giúp hai Bà Trưng đánh đuổi Tô Định ra khỏi bờ cõi. Sau chiến thắng, bà về tu tại Chùa Tiên La và mất tại đây. Dân địa phương đã dựng đền thờ Bà tại Xã Tiên La, Huyện Duyên Hà, Tỉnh Thái Bình.

Ngoài ra, tại Làng Thái Dương, Huyện Hưng Nhân còn có đền và lăng tẩm của các Vua Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông. Gần khu vực đền đài còn có một con kênh do chính Thái sư Trần Thủ Độ, điều động dân đào. Hàng năm vào những ngày rằm tháng 2, rằm tháng 8, ngày 24 tháng 4 và 16 tháng 12, dân làng tụ tập làm lễ tưởng niệm các vua nhà Trần.

5.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh nói qua những nhân vật nổi tiếng ở Tỉnh Thái Bình.

VIỆT BẰNG: Thái Bình cũng là một vùng địa linh nhân kiệt của miền Bắc, nơi sản xuất rất nhiều danh nhân trong những thời dựng nước và cứu nước xa xưa. Ở đây, Tôi xin đề cập đến một vài danh nhân sau đây.

Lê Quý Đôn, người Huyện Duyên Hà, con của Trung Hiếu Công Lê Phú Thứ. Ông đậu Tiến Sĩ năm 1724, làm quan đến Hình Bộ Thượng Thư (Bộ Trưởng Tư Pháp) và là một học giả uyên bác... Tác phẩm ông để lại rất nhiều, nhưng bị thất lạc. Những bộ còn lưu lại vẫn là

một kho tài liệu cho những ai muốn khảo cứu về lịch sử, địa dư và văn hóa Việt Nam Thời Lê Mạc: *Toàn Việt Thi Lục, Đại Việt Thông Sử, Kiến Văn Tiểu Lục, Thánh Mô Hiền Phạm, Quê Hương Thi Tập.*

Bùi Viện, người Làng Trình Phố, Phủ Kiến Xương Thái Bình tuy chỉ đậu Cử Nhân nhưng là người nhìn xa trông rộng, lo lắng cho vận mệnh quốc gia khi thấy các tàu buôn Tây Phương lảng vảng ở các cửa biển. Ông đã

từng dâng sớ canh tân đất nước và là sứ thần đầu tiên sang Hoa Kỳ thương lượng việc bang giao và đã được Tổng Thống Ulysses S. Grant tiếp kiến. Ông cùng với Đoàn Uẩn xây cất một



Nhà Thơ Việt Bằng

hải cảng ở Ninh Hải, sau này là Thành Phố Hải Phòng. Hải Phòng là một trong những hải cảng nổi tiếng của Việt Nam hiện nay nhưng không mấy ai còn nhớ cửa biển này đã có trong dự án xây cất Bù Viện từ giữa Thế Kỷ XIX.

Từ năm 1950-1954, Thời Quốc Trưởng Bảo Đại, hai Thủ Hiến Bắc Việt - Nguyễn Hữu Trí và Phạm Văn Bính đều là người Thái Bình. Nguyễn Hữu Trí, lãnh tụ của Đảng Đại Việt Miền Bắc, người Làng Thân Thượng, Phủ Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình. Trong chuyến du hành đi Pháp gặp Quốc trưởng Bảo Đại, ông bị ám sát khi ghé Phi Trường Tân Sơn Nhất. Thời ấy, sự tranh chấp giữa Tướng Nguyễn Văn Hinh và Thủ Tướng Ngô Đình Diệm chưa ngã ngũ, Quốc Trưởng có ý muốn thay thế Thủ Tướng Ngô Đình Diệm. Dự luận cho rằng ông Ngô Đình Nhu đã tổ chức vụ mưu sát này như ông đã cho người ám sát Tướng Trình Minh Thế sau này.

Phạm Văn Bính, con trai thứ của Tổng Đốc Thái Bình Phạm Văn Thụ, sinh trưởng ở Thị Xã Thái Bình, thân mẫu ông là người Làng Trình Phố, Phủ Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, dòng dõi của Cụ Bù Viện. Phủ Kiến Xương cũng là nơi tá túc của Tôn Dật Tiên, trước khi cuộc Cách Mạng Tân Hợi Trung Quốc thành công. Ngoài ra, Thái Bình cũng là quê hương của những nhà văn, chính trị gia và tướng lãnh nổi tiếng.

6.

HỒ TRƯỜNG AN: Khi Việt Minh lên nắm chánh quyền, anh đã được chứng kiến những gì?

VIỆT BẮNG: Vào thời này từ Hà Nội, tôi về thăm gia đình, được chứng kiến một vụ xử bắn một người tên là Vũ Ban tại Vọng Cung, cổng ngoài của Dinh Tổng Đốc Thái Bình.

Từ 3:30 giờ chiều, các đoàn thể và dân chúng tập trung trước cửa Vọng Cung, riêng đoàn thiếu nhi nắm tay nhau làm một hàng rào không cho ai vào khu vực xử án. Khoảng 4:00

các đại diện đoàn thể, các thân hào nhân sĩ đã tề tựu đông đủ, một cán bộ đại diện Ủy Ban Nhân Dân Thị Xã Thái Bình đến micro tuyên bố khai mạc cuộc xử án Vũ Ban. Trước hết ủy viên tư pháp đọc bản luận tội Vũ Ban, một cảnh sát thời Pháp thuộc, trưởng phòng an ninh thời Nhật tạm chiếm, đang trên đường đào tẩu đến Thị Xã Nam Định thì bị phát hiện tại Bến Đò Tân Đệ và được Công An Nam Định giải giao về Thị Xã Thái Bình. Lời kết tội cũng nhấn mạnh về những địa bàn và ngày tháng Vũ Ban gây tội ác. Can phạm được đưa lên micro xác nhận tội trạng và xin khoan hồng. Ủy viên phát biểu: Bắn hay tha là do quyết định của các đoàn thể và đồng bào. Ai muốn Vũ Ban phải đền tội thì giơ tay thật cao. Cả biển người giơ tay và la "Bắn tên phản quốc". Ngay sau đó bàn chủ tọa và micro được dọn đi, Vũ Ban được dẫn tới bức tường của Vọng Cung, bị trói tay và bịt mắt. Tiểu đội hành quyết thao diễn, bước tới và dừng lại cách tử tội khoảng 10m. Sau một loạt tiếng nổ chát chúa, tử tội té xuống đất, nằm nghiêng, thân run rẩy. Một viên đạn trúng động mạch gần tim, máu phun ra có vôi, ướt đầm ngực áo tử tội. Người chỉ huy đội hành quyết bước tới, rút súng ngắn bắn một phát ân huệ vào thái dương, đầu tử tội nảy lên và quẹo đi. Một chiếc xe vận tải nhỏ "gie" tới, bỏ xuống một cái hòm mở nắp, trong đó có mặt cửa. Xác của tử tội được bỏ vào hòm, người ta đóng nắp lại, chiếc xe mang xác tử tội, chạy về hướng nghĩa trang đầu tỉnh.

7.

HỒ TRƯỜNG AN: Khi Pháp tái chiếm Đông Dương, anh đi tản cư ở miền quê nào? Hay anh ở lại thành phố nào? Xin cho biết đôi chút giai đoạn ấy.

VIỆT BẮNG: Pháp tái chiếm Đông Dương mở đầu bằng những trận đánh ác liệt nhất trong Thành Phố Hải Phòng. Hà Nội chưa bị tấn

công, nhưng không khí chiến tranh bao trùm khắp nơi, các đơn vị tự vệ khu phố được gấp rút thành lập. Thường Dân Pháp bị bắt trên đường phố. Xe Quân Sự Pháp bị tấn công trên khắp các nẻo đường. Để trả đũa, Lính Pháp bắn bừa bãi vào những nơi có thường dân tụ tập.

Trước tình thế khẩn trương, tôi theo gia đình bà cô tản cư về Thị Xã Thái Bình nhưng chỉ được ít ngày, thị xã được lệnh sơ tán, chỉ những thanh niên trong đội tự vệ khu phố mới được ở lại thị xã để chuẩn bị chiến đấu. Tự vệ đến từng gia đình yêu cầu dân chúng rời thị xã ngay tức khắc. Gia đình tôi di chuyển đến những vùng gần biển thuộc Phủ Kiến Xương hay Tiền Hải cho đến ngày lọt vào vùng hành quân của Đại Tá Charton và được tàu Pháp đưa đến Hải Phòng, trước khi đi xe lửa về Hà Nội.

8.

HỒ TRƯỜNG AN: Nếu có thể được, xin anh nói qua những biến cố ở Thái Bình trong cuộc chiến tranh Đông Dương giữa Pháp và Việt Minh.

VIỆT BẰNG: Trong cuộc chiến tranh Đông Dương (1945-1954), Thái Bình là thành phố đầu tiên thực hiện chính sách "tiêu thổ kháng chiến" ngay khi Quân Đội Pháp đánh chiếm Thị Xã Nam Định, thành phố lớn thứ ba ở Bắc Việt, chỉ sau Hà Nội và Hải Phòng. Trước 19-12-1946, ngày toàn quốc kháng chiến, quân đội Pháp đã gây hấn, chiếm nhà máy tơ và nhà máy sợi Nam Định rồi từ nơi rộng sự kiểm soát toàn bộ thị xã.

Ngay khi đó, Thị Xã Thái Bình bên tả ngạn Sông Hồng cách Nam Định 18 cây số buộc phải sơ tán dân, thanh niên gia nhập các đội Tự Vệ khu phố để chuẩn bị ứng chiến. Tháng 1-1947, hai Tiểu Đoàn Lê Dương Pháp có chiến xa và phi pháo yểm trợ, vượt Sông Hồng tấn công Thị Xã Thái Bình. Lính Pháp và Tự vệ khu phố đánh xáp lá cà và quần thảo nhau trong từng căn nhà một, hậu quả là ba đại đội tự vệ hy sinh gần

hết và Quân Đội Pháp bị thiệt hại nặng, rút lui về Nam Định.

Sau cuộc tấn công của Quân Đội Pháp, Thái Bình triệt để áp dụng chính sách "tiêu thổ". Thị xã chỉ còn là tập hợp của những đồng gạch lớn, đồng gạch nhỏ, ít thấy một viên gạch nào còn nguyên vẹn. Từ đó phi cơ Pháp thường xuyên oanh tạc các bệnh viện, chợ của những thị trấn đông dân của Thái Bình như Đống Năm thuộc Phủ Thái Ninh, Chợ Huyện thuộc Trình Phố, Phủ Kiến Xương mà tôi có dịp chứng kiến khi tình cờ qua vùng này năm mười ba tuổi.

Năm 1949, sau những thất bại của các cuộc hành quân biên giới, tại Thượng Du và Trung Du, Quân Đội Pháp rút về cố thủ vùng châu thổ Sông Hồng. Với chính sách xây dựng một hệ thống đồn bốt chắc chắn và mở những cuộc hành quân chiếm đất, giữ dân.

Tháng 8 năm 1949, Pháp mở cuộc hành quân đại qui mô chiếm đóng Tỉnh Lỵ Thái Bình cùng 12 phủ huyện. Nhưng tình hình toàn tỉnh không khả quan hơn, ban ngày thuộc quyền kiểm soát của Quân Đội Pháp, ban đêm của Du Kích Quân. Trước ngày Điện Biên Phủ thất thủ 07-05-1954, Quân Đội Pháp bất chợt rút lui khỏi Thái Bình trong vòng bốn giờ, kể từ 12 giờ trưa, với sự yểm trợ tối đa của phi pháo.

9.

HỒ TRƯỜNG AN: Hình như tuổi hoa niên của anh ở Hà Nội. Xin anh cho biết nơi kinh kỳ Miền Bắc này. Luôn tiện, xin nói qua Trường Nguyễn Trãi cùng kỷ niệm của anh dưới mái trường ấy.

VIỆT BẰNG: Thực ra tôi ở Hà Nội từ thiếu thời và cả tuổi hoa niên. Từ lớp 1 đến lớp 3 tôi học Trường Tiểu Học Monguillot Thị Xã Thái Bình nhưng cứ đến 3 tháng Hè, tôi được gửi về Hà Nội, quê ngoại để học Toán và Pháp Văn tại

nhà Bác Giáo Thế, hiệu trưởng Trường Tiểu Học Ngô Sĩ Liên, Đường Hàm Long Hà Nội.

Năm học 1945-1946, sau khi đậu Sơ học Yếu Lược (Lớp 3) cả hai ban Pháp và Việt tại Trường Monguillot Thị Xã Thái bình, tôi được gửi đi Hà Nội học Lớp Moyen (Lớp 4) tại Trường Ngô Sĩ Liên. Vào những ngày nghỉ Tết, tôi theo ông cậu qua Phố Lò Đúc và Ô Đống Mác đến Đình Tương Mai xem hát Quan Họ và những người đánh cờ tướng.

Ngày 19-12-1946, Chính phủ kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Dân Hà Nội tản cư về hậu phương, trong đó có tôi rời Thủ Đô sớm nhất. Tháng 8-1950, tôi hồi cư về Hà Nội từ vùng quê Thái Bình. Thửa ấy học sinh về thành mỗi ngày một nhiều, Trường Chu Văn An được chia làm hai trường: một nửa ở lại Trường Đồng Khánh cũ, góc Đường Đồng Khánh và Đường Lý Thường Kiệt, gán Hồ Gươm đổi tên mới là Trung Học Nguyễn Trãi; một nửa dọn về góc Phố Đỗ Hữu Vị và Quan Thánh, vẫn giữ tên cũ là Trung Học Chu Văn An.

Ngày 1-9-1950, qua kỳ thi nhập học, tôi vào lớp 8 Trường Trung Học Nguyễn Trãi. Khi Hiệp Định Genève được ký kết ngày 20-7-1954, tôi đã học hết lớp Đệ Tam (Lớp 10) và chuẩn bị lên lớp Đệ Nhị (Lớp 11) Trường Nguyễn Trãi.

Một kỷ niệm không thể nào quên khi tôi nghĩ đến Trường Nguyễn Trãi là kỷ niệm với Thầy Nguyễn Văn Vượng (Giáo Sư Pháp Văn lớp 10 và Triết lớp 12), người rất nghiêm khắc với học sinh về những lỗi ngữ pháp và chính tả. Những bài kiểm Pháp Văn trong lớp, một số học sinh chỉ đạt điểm dưới 5. Trước khi thầy trả bài thi học kỳ 2, học sinh sợ xanh mặt vì nếu được điểm thấp sẽ phải thi lại môn Pháp của thầy. Bất chợt thầy đến bên tôi và nói: “Thưa Ngài *Thủ Hiến Bắc Việt*, sau này, Ngài có thể còn tiến xa hơn nữa nhưng nên nhớ xưa Ngài đã là học trò tôi và đã viết chữ *diriger 2 R*”. Nói rồi thầy trao bài thi cho tôi, tôi

rất ngạc nhiên khi được 7 điểm cho dù có mắc lỗi chính tả. Cho đến bây tôi vẫn thắc mắc, giữa Ngài Thủ Hiến Bắc Việt - Nguyễn Hữu Trí thời đó và tôi có điểm nào giống nhau về nhân dạng không mà thầy lại gọi tôi là *Thủ Hiến*, hay đó chỉ là lối nói hài hước của thầy để tôi nhớ suốt đời chữ *diriger* chỉ có 1 chữ R!

10.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh nói về cuộc di cư của anh từ Bắc vào Nam. Thành phố đầu tiên nào ở miền Nam mà anh đến định cư?

VIỆT BẰNG: Ngày 15-07-1954, tôi rời Hà Nội xuống Hải Phòng rất sớm trước khi Hà Nội có kế hoạch di cư của Ông Lê Quang Luật, Đại Biểu Chánh Phủ tại Miền Bắc thay cho từ Thủ Hiến Bắc Việt thời Quốc Trưởng Bảo Đại. Trên đường phố Hà Nội bấy giờ đầy những biểu ngữ dán hình Thủ Tướng Ngô Đình Diệm và những hình chụp cảnh sống sung túc của miền Nam.

Ngày 31-12-1954, tôi đến Tòa Thị Chính Hải Phòng ghi danh "vô Nam". Ban Di Cư có hai phòng: Phòng do nhân viên Việt Nam phụ trách lập danh sách di dân và sắp xếp ngày đi cho họ. Bất cứ ai đến phòng này ghi tên đều được xếp đi tàu Hải Quân Marine Serpent của Mỹ. Phòng kế bên do Cô Geniève de Gulard, Người Pháp sắp xếp chuyến bay cho di dân Người Âu và một số Người Việt nói được tiếng Pháp. Tôi chú ý đến phòng này vì tiếng nói trong trẻo rất nữ tính của Geniève de Gulard khi cô khoe với người bạn gái “cô là một trong số rất ít người còn sống sót dưới căn hầm chỉ huy của Tướng De Castries tại Điện Biên Phủ, trước khi đầu hàng, và cô cũng là tù binh đầu tiên được trao trả tại Bãi Cháy, Hồng Gai”.

Tôi ghi danh với Cô Geniève de Gulard. Cô vui vẻ sắp tên tôi trong danh sách chuyến bay ngày 02-01-1955. Tôi rời Phi Trường Quân Sự Cát Bi lúc 8 giờ sáng và tới Phi Trường Tân Sơn

Nhất lúc 12 giờ 30 trưa cùng ngày. Đến Sài Gòn, tôi ở nhà người bác một tuần, trước khi dọn sang nhà mới mà bác đã thuê trước cho gia đình tôi ở gần đó.

11.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh nói qua giai đoạn đầu tiên khi anh ở Sài Gòn. Những phố xá nào, khu vực nào, chợ búa nào mà anh quen thuộc và đã từng khắc ghi những dấu ấn sâu đậm vào ký ức của anh?

VIỆT BẰNG: Vừa đến Sài Gòn, bác tôi đã thuê sẵn cho gia đình tôi căn lầu số 46, Đường Phạm Hồng Thái, Quận 2 rất gần Khu Trung Tâm Chợ Bến Thành. Căn lầu có bốn phòng, gia đình tôi ở ba phòng, còn lại một phòng mẹ tôi cho Cô A Làn thuê, thực ra cô đã thuê phòng này với chủ trước, khi chủ hộ nhượng lại căn lầu cho Mẹ tôi, người vẫn để cô thuê lại. Gia đình A Làn có hai người, A Làn 20 tuổi, thư ký Nhà Băng Franco-Chinoise trước cửa Tây Chợ Bến Thành và Xừ Phùng, 16 tuổi, học sinh lớp 9 trường Régina Pacis, gần Tòa Đại Sứ Miên và Trường L' Aurore.

Tuy ở Phòng riêng nhưng gia đình A Làn dùng chung bếp dưới cầu thang với gia đình tôi. Mọi tình thơ mộng giữa Xừ Phùng và tôi khi ấy 18 tuổi, đã manh nha từ căn bếp đó. Người Hoa có thói quen ăn khuya, cứ 10 giờ đêm Xừ Phùng nấu cháo cho hai chị em cùng ăn và đem cho tôi một chén cháo. Những ngày cuối tuần, tôi đưa Xừ Phùng đi xem chiếu bóng tại rạp thường trực Vĩnh Lợi, Đường Bonard hay Rạp Lê Lợi, Đường Lê Thánh Tôn, xế Chợ Bến Thành.

12.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh nói qua về Trường Chu văn An và niên học độc nhất của anh (1955 -1956) dưới mái trường ấy.

VIỆT BẰNG: Ngày tựu trường 1/9 của năm học 1955-1956, tôi học lớp 12A2 Chu văn An, phía sau Trường Petrus Ký. Năm học mới, học sinh tập trung vào các môn chính với các Thầy Hoàng Cơ Nghị (Lý), Phạm Đình Ái (Hóa) Nguyễn Văn Đĩnh (Vạn Vật), Nguyễn Ngọc (Toán) v.v... Năm ấy, Thầy Hoàng Cơ Nghị, Cử nhân Vật Lý, Đại Học Sorbonne Paris, vốn là giáo sư trường Pháp, J.J. Rousseau chưa rành tiếng Việt như những năm sau, trong lớp thầy giảng bài nửa tiếng Pháp, nửa tiếng Việt. Lối giảng dạy của thầy trong lớp rất dễ nhưng đề thi Tú Tài 2 thầy ra rất khó, thầy kiêm nhiệm luôn Giám Đốc Nha Trung Học và Khảo Thí, phụ trách ra đề thi và chọn đề thi các kỳ thi Tú Tài 1 và 2.

Nhờ kinh nghiệm của các lớp đàn anh, học sinh lớp trên nên tôi biết tủ của thầy ở cuốn *G. Ève*. Ngay từ giờ đầu, cả lớp bày *Annales Vuilbert* trên mặt bàn. Vì vậy, thầy yên chí học sinh không dùng *G. Ève* và ra đề thi trong cuốn sách này, nhiều bài kiểm và đề thi của thầy y nguyên trong *G. Ève* có cả phần bài giải, rất hiếm khi thầy đổi số cho khác đi một chút.

Buổi học cuối cùng, thầy chúc học sinh may mắn trong kỳ thi Tú tài 2 và khen học sinh 12A2 giỏi Vật Lý. Khi vào vấn đáp, sáu học sinh lớp tôi bị đánh rớt vì những câu hỏi bất ngờ và hắc búa của thầy, có người bị hỏi chương trình lớp 11, năm trước. Riêng tôi, bốc được một bài toán về Con Lắc Kép, làm đúng cả ba câu hỏi mới đạt điểm 3.

Cho dù mùa thi năm ấy tôi chỉ đậu thứ nhưng vẫn vui, trong khi chờ đợi vào vấn đáp các thầy, tôi đã gặp và trò chuyện với những kiều nữ 12C (IC) Chu Văn An như Châu Phố, người mà lớp tôi gọi là *Mangala* – Cô Gái Ấn, sau là luật sư Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn; Lê Thị Thục, sau là giáo sư Pétrus Ký, Đại Học Sư Phạm Ban Anh; và Nguyễn Minh Châu, sau tốt nghiệp Cao Học

Hành Chánh tại Pháp, giám đốc Nha Ngoại Thương Bộ Kinh Tế.

13.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh nói qua những năm anh học trường Đại Học Văn Khoa. Xin anh nhắc lại những giáo sư đã hướng dẫn anh.

VIỆT BÀNG: Niên khóa 1957-1958, tôi ghi danh tại Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, năm Dự Bị, khi ấy Trường tọa lạc tại Đường Nguyễn Trung Trực, gần Chợ Bến Thành. Năm Dự Bị, tôi học Triết với GS. Lê Thành Trị, Nguyễn Văn Trung, Hán văn với Cha Larre, người Pháp.

Niên khóa 1958-1959, tôi ghi danh Chứng Chỉ Ngữ Học Anh với Giáo Sư Nguyễn Đình Hòa, khi ấy là khoa trưởng Trường Đại Học Văn Khoa; Chứng Chỉ Anh Văn Thực Hành với một giáo sư người Canada mà tôi đã quên tên.

Tôi ghi danh chứng chỉ Lịch sử Triết Học Đông Phương, Niên khóa 1959-1960 và Triết Học Trung Hoa niên khóa 1963-1964. Tôi học với các Giáo Sư Nguyễn Đăng Thục, Nguyễn Duy Cần, Giản Chi, Lương Kim Định, Hoàng Sĩ Quý và Bác Sĩ Nguyễn Văn Thọ.

Do sự giới thiệu của Giáo Sư Lê Xuân Khoa, tôi làm thư ký tòa soạn Tạp Chí Văn Hóa Á Châu của Giáo Sư Nguyễn Đăng Thục, Khoa Trưởng Đại Học Văn Khoa thời đó và đôi khi tôi cũng làm thư ký riêng cho thầy những khi thầy quá bận rộn.

Tôi ghi danh chứng chỉ Lịch Sử Triết Học Tây Phương và Triết Học Đông Phương niên khóa 1960-1961: Giáo Sư Lê Tôn Nghiêm dạy về Triết Học Cổ Điển Tây Phương từ Platon và Triết học Heidegger, khuyến hướng hiện sinh Đức; Giáo Sư Nguyễn Văn Trung về Triết học Fichte, Hegel, Karl Marx với Duy Vật Biện Chứng Pháp. Triết Học Hiện Sinh Vô Thần J.P. Sartre; Giáo Sư Lê Thành Trị về và Triết Học Hiện Sinh Hữu Thần Kierkegaard... Linh Mục Trần Thái Đĩnh

về Triết học Kant.

Niên Khóa 1962-1963, tôi được học bổng tu nghiệp Anh Văn một năm tại Đại Học Sidney, Úc Châu. Chương trình học rất nhẹ, có lẽ chỉ nhằm giúp cho học viên trau dồi thêm khả năng nghe và nói. Niên khóa 1964-1965, tôi đổi nhiệm sở từ Trường Trung Học Công lập Phan Rang về Trường Trung học Tổng Hợp Kiến Hòa để thuận lợi cho việc ghi danh và tham dự giảng khóa tại Trường Đại học Văn Khoa Sài Gòn. Niên khóa 1966-1967, tôi ghi danh chứng chỉ Triết Học Ấn Độ, và học với các Thượng Tọa Thích Mẫn Giác về Triết Học Cổ Đại Ấn Độ: Veda, Upanisad, Jaina; Thích Minh Châu về Triết Học Thiên Tiểu Thừa - Triết Học Tính Không; Thích Quảng Liên về Triết học Thiên, Đại Thừa...

Như vậy, ngoài chứng chỉ Dự Bị, với hai chứng chỉ Anh Văn và hai chứng chỉ Lịch sử Triết học Đông và Tây, tôi đã hoàn tất Cử Nhân Tự Do, tháng 10 năm 1961. Sau đó, với bốn chứng chỉ Triết Học và Lịch Sử Triết Học, tôi được cấp bằng Cử Nhân Giáo Khoa Triết Học vào tháng 10 năm 1967.

Một trong những giảng sư Triết Học Trường Đại Học Văn Khoa thời ấy, Giáo Sư Lâm Ngọc Huỳnh, người tôi đã từng ngưỡng mộ, đỗ Tiến Sĩ Triết học tại Bruxelles, Bỉ, tuy là thầy tu xuất nhưng Giáo Sư không có thiên kiến, định kiến khi giảng dạy, nên được lòng sinh viên. Năm 1972, khi tôi đến thăm giáo sư tại nhà riêng ở Cư Xá Tự Do, Đường Lê Văn Duyệt, gần Chợ Ông Tạ, giáo sư cho tôi mượn sáu cuốn sách Triết Học của J.P. Sartre, Marcel Jaspers, và *Le Mythe de Sisyphe* của A. Camus, do Presse de l'Universitaire, Paris xuất bản. Khi tôi ra về, Giáo Sư tiễn đến cổng và nói nếu tôi chọn Triết Hiện Sinh của J.P. Sartre để làm tiểu luận Cao Học mà chưa tìm được ai, giáo sư có thể nhận làm "Patron" cho tôi.

14.

HỒ TRƯỜNG AN: Trước hết anh là một nhà giáo, xin anh nói qua giai đoạn anh hành nghề mô phạm.

VIỆT BÀNG: Tôi vào nghề dạy học từ tháng 10-1961 khi tình trạng thiếu giáo sư Đề Nghị Cấp khá trầm trọng. Sinh Viên Đại Học Sư Phạm bốn năm, khóa đầu chưa ra trường. Dù Bộ Giáo Dục có cho khóa này ra sớm hơn dự liệu cũng không thỏa mãn được nhu cầu giáo sư Đề Nghị Cấp, càng ngày càng tăng vì chính sách giáo dục - đưa các trường Trung Học về đến cấp Quận. Ngoài ra, tình trạng một số giáo sư bỏ nghề để đi làm sở Mỹ càng tạo thêm sự khó khăn cho Bộ Giáo Dục.

Trước tình thế đó, Bộ Giáo Dục ra thông tư tuyển dụng giáo sư Đề Nghị Cấp theo hai tiêu chuẩn: ứng viên có Cử Nhân Tự Do, hưởng chỉ số 430, nhập ngạch sau quá trình giảng dạy một năm; có Cử Nhân Giáo Khoa, hưởng chỉ số 470, như sinh viên tốt nghiệp Đại học Sư Phạm bốn năm. Thông tư này phổ biến từ 15-8-1961 nhưng mãi đến đầu tháng 10-1961, tôi mới đến Nha Trung Học và Bộ Giáo Dục lập hồ sơ xin tuyển dụng, vài ngày sau có giấy báo, tôi đến Nha Trung Học nhận Sự Vụ Lệnh bổ nhiệm.

Nhiệm sở đầu tiên của tôi là Trường Trung Học An Phước, Ninh Thuận, gần Ga Tháp Chàm. Chỉ cần bước lên xe lửa chuyến 10 giờ đêm tại Tháp Chàm, 6 giờ sáng hôm sau tôi đã đến sân Ga Sài Gòn, Đường Phạm Ngũ Lão. Năm 1965, tôi xin chuyển về Trường Trung Học Tổng Hợp Kiến Hòa.

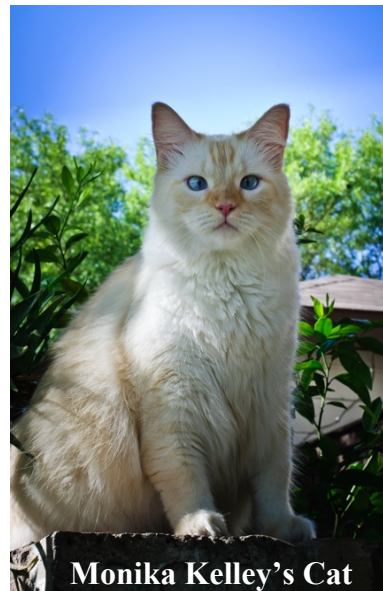
Năm 1971, sau mười năm dạy học ở tỉnh lẻ, tôi được bổ nhiệm về Trường Trung học Đô Thị Hùng Vương, Quận 5 Sài Gòn khi ấy chỉ có lớp 10 và 11. Sau 30-4-1975, Trường Trung Học Hùng Vương đổi thành Trường Phổ Thông Cấp 3 Hùng Vương, ngày nay là trường điểm của thành phố.

(Còn tiếp)

Trích trong “Giai Thoại Văn Chương” của

Hồ Trường An

Kính chúc quý vị độc giả
thân chủ quảng cáo và
văn thi nghệ sĩ
Năm Tân Mão
nhiều sức khỏe,
dồi dào hạnh phúc
khang an thịnh vượng.



Monika Kelley's Cat

Trang Sử Giữ Nước, Chống Ngoại Xâm Trong Buổi Đầu Nền Tự Chủ

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Năm 931 (Tân Mão), Dương Diên Nghệ người Xã Dương Xá Huyện Thiệu Hóa [nay là Thiệu Yên vì có Yên Định sáp nhập), Tỉnh Thanh Hóa, khởi binh đánh đuổi Quân Nam Hán. Từ ấy, nước ta độc lập suốt 476 năm, trải qua các Triều Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần, Hồ; đánh dấu một thời đại tự chủ oai hùng (931- 1407).

I - NHÀ NGÔ (939 – 965)

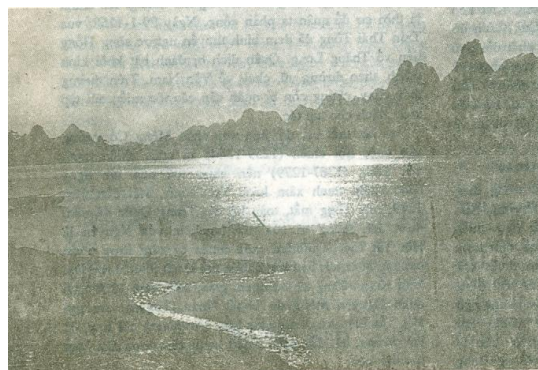
Ngô Quyền (898- 944) người Xã Đường Lâm, nay thuộc Thành Phố Sơn Tây Tỉnh Hà Tây; được Dương Diên Nghệ cho làm nha tướng và gả con gái là Dương Thị Như Ngọc.

Tháng 4 năm 937 (tức tháng 3- Đinh Dậu), Dương Diên Nghệ bị bộ Tướng Kiều Công Tiễn giết. Ngô Quyền đang làm Thứ sử Ái Châu (Thanh Hóa), đem quân ra hỏi tội. Kiều Công Tiễn cho sứ sang Nam Hán cầu cứu. Vua Hán là Lưu Cung (Liu Gong) muốn nhân cơ hội này chiếm lấy nước ta, bèn sai Thái tử Hoằng Tháo [1] đem binh thuyền đi trước, còn vua tự cầm quân đóng ở Hải Môn để tiếp ứng. Nghe tin chiến thuyền của giặc theo Sông Bạch Đằng vào nước ta, Ngô Quyền sai quân đem cọc đầu bịt sắt nhọn đóng ngầm ở hai bên cửa sông. Thủy triều lên, quân ta dùng thuyền nhẹ khiêu chiến, rồi giả thua, dụ giặc đuổi theo. Khi cả binh thuyền của chúng tiến vào vùng có cắm cọc, quân ta đổ ra đánh rất hăng đúng lúc thủy triều rút nhanh, thuyền giặc vướng vào cọc, thủng vỡ

lật úp. Ngô Quyền, trong thì giết được Kiều Công Tiễn, ngoài đánh tan Quân Nam Hán trên Sông Bạch Đằng năm 938 [2], Hoằng Tháo (Hong Cao) bị bắt sống và bị giết, ca dao đã tưởng thuật chiến công oanh liệt này:

Đánh giặc thì đánh giữa sông,

Chớ đánh trong cạn, phải chông mà chìm [3].



H 1. Cửa Sông Bạch Đằng lúc chiều tà, ảnh Minh Nguyệt. Trích: Trần Độ, Văn Hóa Việt Nam, trang 48.

Năm 939 (Kỷ Hợi) Ngô Quyền xưng vương, đóng đô ở Cổ Loa (nay thuộc Huyện Đông Anh, ngoại Thành Hà Nội), truyền ngôi được 4 đời (kể cả Dương Tam Kha), nhưng đến đời Ngô Xương Xí chỉ còn giữ đất Bình Kiều (thuộc phủ Khoái Châu, Trấn Sơn Nam Thượng; nay thuộc Tỉnh Hưng Yên), như các sứ quân khác. Đất nước lâm

vào thời kỳ hỗn chiến (966- 968), sử gọi là Thập Nhị Sứ Quân [4].

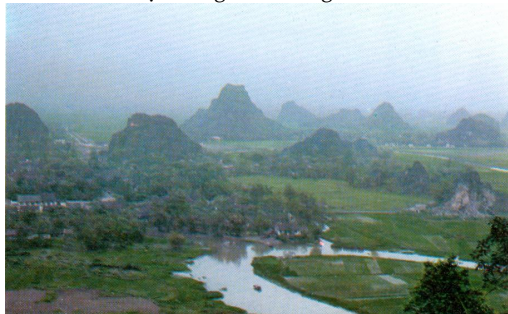


H 2. Lăng Ngô Quyền ở Đường Lâm, TP Sơn Tây.
Trích: *Văn Hóa Việt Nam*, tr 155, ảnh Văn Yên.

II - NHÀ ĐÌNH (968- 980)

Đình Bộ Lĩnh quê ở Động Hoa Lư, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình, con Ông Đình Công Trứ làm Thứ sử Hoan Châu dưới thời Dương Diên Nghệ và Ngô Quyền. Cha mất sớm, theo mẹ về quê sinh sống, lớn lên gia nhập Sứ Quân Trần Minh Công. Trần Sứ Quân chết, Đình Bộ Lĩnh thay thế, đem quân về giữ Hoa Lư, hùng cứ một phương. Đình Bộ Lĩnh lần lượt diệt các sứ quân khác, thống nhất đất nước, dân chúng tôn là Vạn Thắng Vương. Trong văn chương bình dân, có câu ca dao thích hợp với sự kiện lịch sử này:

*Ở đời muôn sự của chung,
Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi.*



H 3. Toàn cảnh vùng cố đô Hoa Lư, ảnh Đỗ Huân. Trích: *Văn Hóa Việt Nam*, sau trang 144.

Năm 968 (Mậu Thìn), Vạn Thắng Vương lên ngôi hoàng đế, xưng là Đinh Tiên Hoàng, đặt quốc hiệu Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư [5], dân chúng sống trong thanh bình an lạc, đúng nghĩa với niên hiệu Thái Bình mà Nhà Vua đã chọn:

*Xem lên trăng bạch trời hồng,
Đạo miền sơn thủy bề bồng thái bình.*



H 4. Cổng vào Đền Đinh Tiên Hoàng ở Hoa Lư, Ninh Bình. Nhiếp ảnh gia Nguyễn Huy Trực chụp 1993.

Nhưng đến năm 979 (Kỷ Mão) có biến cố lớn, Đỗ Thích làm chức lại ở Đồng Quan, nằm mộng thấy sao rơi vào miệng, tin là điềm báo được làm vua. Thừa lúc Đinh Tiên Hoàng say rượu nằm ở sân cung, bèn lên vào giết vua và Đình Liễn (con trưởng vua). Dân chúng chê trách hành động điên rồ của Đỗ Thích:

Con cóc nằm ở bờ ao,

Lắm le lại muốn nuốt sao trên trời [6]. III - NHÀ TIỀN LÊ (980- 1009)

Thừa lúc vận nước rối ren, năm 980, Vua Tống Thái Tông (Song Tai Zong) sai Hầu Nhân Bảo (Hou Ren Bao) đem quân đến biên giới định xâm chiếm nước ta. Tướng Phạm Cự Lượng yêu sách phải tôn Lê Hoàn lên ngôi vua, mới chịu rút quân. Trước tình thế khẩn trương, trước vận mệnh sống còn của đất nước, Thái hậu Dương Vân Nga sai lấy áo long cổn khoác lên

mình Lê Hoàn, tôn lên ngôi là vua Lê Đại Hành, để yên lòng binh sĩ.



H 5. Lăng Đinh Tiên Hoàng ở Hoa Lư.
Ảnh Nguyễn Huy Trực, 1993.



H 6. Đền Vua Lê Đại Hành ở Hoa Lư. Trích:
Phạm Ngô Minh, *Nhân Vật Họ Lê Trong Lịch Sử VN*, sau tr 4.

Tháng 4 năm 981 (tức tháng 3- Tân Tỵ), Quân Tống sang chiếm nước ta. Hầu Nhân Bảo (Hou Ren Bao) và Tôn Hoàn Hưng (Sun Huan Xing) dẫn đại binh đi đường bộ đánh Lạng Sơn, Trần Khâm Tô (Chen Qing Zu) theo đường thủy vào Sông Nhị Hà tấn công Tây Kết, Lưu Trừng (Liu Cheng) tiến vào Sông Bạch Đằng. Lê Đại Hành tự nguyện làm tướng chống giặc. Nhà vua phá tan đạo quân đường bộ, đánh đuổi cánh quân đường thủy; giết Tướng Hầu Nhân Bảo [7], bắt Tướng Quách Quân Biện (Guo Jun Bian) và Triệu Phụng Hưng (Zhao Feng Xing), giặc chết quá nửa; khiến

Nhà Tống dẹp mộng xâm lăng nước ta:
*Ải Chi Lăng, ta dùng kế trá hàng,
Giặc chết nhiều, Hầu Nhân Bảo máu loang.
Ta bắt sống địch hai người bộ tướng,
Chết phân nửa, quân trang nhiều vô lượng.
Bọn Lưu Trừng đóng giữ mặt Bạch Đằng,
Thấy quân ta thừa khí thế đánh hăng,
Quân nhà Tống, bên bộ binh tháo chạy,
Lưu Trừng sợ ta hỏa công thiêu cháy
Bọn thủy quân của giặc Tống rút êm.
Ta liên hoan mừng chiến thắng liên miên
Đại Cồ Việt, rừng cờ vàng hoa nở [8].*

Lê Đại Hành ở ngôi 25 năm (980- 1005), lần lượt đặt các niên hiệu Thiên Phúc, Hưng Thống, Ứng Thiên; kinh đô vẫn ở Hoa Lư.
*Con cò bay lả bay la,
Bay qua Yên Thế bay về Hoa Lư.
Trăm ngàn cờ Việt có dư,
Màu vàng sáng chói, muôn thu anh hùng [9].*

Tháng 4 năm 1005 (tức tháng 3- Ất Tỵ) Đại Hành Hoàng Đế băng hà ở điện Trường Xuân. Con thứ ba là Long Việt lên ngôi tức Lê Trung Tông (1005) làm vua được 3 ngày, bị em là Long Đĩnh sai người giết, rồi tự xưng làm vua (1005-1009) vẫn dùng niên hiệu Ứng Thiên, đến năm 1008 đổi là Cảnh Thụy. Lê Long Đĩnh rất bạo ngược, hiếu sát, thường lấy sự giết người làm trò chơi, thích xem hề ngay lúc lâm triều, lại còn say đắm tử sắc nên phát bệnh trĩ đến nỗi không ngồi được, thị triều phải nằm, sử gọi là Vua Ngoạ Triều.

Giữa lúc lòng dân oán ghét Long Đĩnh, trong dân chúng lan truyền một bài sấm thi bằng chữ Hán:

*Thụ căn diểu diểu,
Mộc biểu thanh thanh.
Hoà đao mộc lạc,
Thập bát tử thành.
Đông a nhập địa,*

Dị mộc tái sinh [10].

Chấn cung kiến nhật,

Đoài cung ẩn tinh.

Lục thất niên gian,

Thiên hạ thái bình.

Cao Huy Giu (*Thơ Văn Lý Trần*)

dịch:

Gốc cây thăm thăm,

Ngọn cây xanh xanh.

Cây hòa đao rụng,

Mười tám hạt thành.

Cành đông xuống đất,

Cây khác lại sinh.

Đông, mặt trời mọc

Tây, sao náu hình

Khoảng sáu, bảy năm

Thiên hạ thái bình.

- Hai câu giáo đầu nói bóng gió vua thì yếu mệnh, bề tôi cường thịnh.

- Câu 3, hợp các chữ *hòa* (), *đao* (), *mộc* (), thành chữ **lê** () nhưng lại *lạc* (rơi rụng), ý nói Nhà Lê mất ngôi.

- Câu 4, hợp các chữ *thập* (), *bát* (), *tử* (), là chữ **lý** (), ý nói người họ Lý thành thiên tử.

- Câu 5, hợp hai chữ *đông* (), *a* () thành chữ **trần** () *nhập địa*, ý nói Nhà Trần làm vua nước ta.

- Câu 6, cây khác sống lại, ý nói một họ Lê khác làm vua lần nữa, tức Nhà Hậu Lê.

- Câu 7 và 8: cung đặng Đông (chấn) mặt trời mọc, cung đặng Tây (đoài) ngôi sao mờ.

Một hôm Lê Long Đĩnh ăn trái khế lại thấy hột mận [11] chữ Hán gọi là Lý, càng tin lời sấm thì, ngầm sai tìm người họ Lý giết đi, nhưng lại quên mất Lý Công Uẩn ở bên cạnh vua và đang giữ chức Tả thân vệ Điện tiền Chỉ huy sứ, nên ca dao có câu:

Ta trong cây khế ta ra,

Mình còn cạnh khế, chi ta hỡi mình!

IV - NHÀ LÝ (1010 – 1225)

Khi Vua Long Đĩnh băng thì Lý Công Uẩn ngoài 35 tuổi; bấy giờ thần dân chán ngán nhà Tiền Lê nên trong triều có nhóm Đào Cam Mộc, nhà chùa có Thiên sư Vạn Hạnh vận động đưa Công Uẩn lên ngôi vua, xưng là Lý Thái Tổ, đặt niên hiệu Thuận Thiên (1010- 1028).

Nhà Lý để lại cho lịch sử những dấu ấn sâu sắc đáng ghi nhớ: Năm 1010, Lý Thái Tổ dời kinh đô từ Hoa Lư về Thành Đại La và đổi tên là Thăng Long. Năm 1054, Lý Thánh Tông đổi quốc hiệu là Đại Việt [12]. Năm 1075, Lý Nhân Tông sáng lập khoa thi Tuyển Minh Kinh Bác Học Cập Nho Học Tam Trường, mở đầu cho nền khoa cử nước ta. Và những năm 1044, 1069, 1075, 1076, 1078, 1084, 1104 Triều Lý không những đuổi được giặc ngoại xâm, bảo vệ non sông, mà còn đem quân ra nước ngoài đánh Nam phạt Bắc, mở mang bờ cõi, và vẻ vang nhất là đòi lại được những phần đất đã mất.



H 7. Đền Đô tức Lý Bát Đế [13] ở Đình Bảng. Ảnh Nguyễn Huy Trực, 1993.

* Bấy giờ người Chăm thường quấy nhiễu ở vùng biên giới, tháng 3 năm 1069 (tức tháng 2- Kỷ Dậu), Lý Thánh Tông (1054-1072) thân chinh đi đánh Champa [14]. Từ Thăng Long, đại quân ta đi ngót 26 ngày đường biển mới đến Đầm Thị Nại (nay thuộc Tỉnh Bình Định). Viên tổng tư lệnh Chăm là Bó-bi-đà-la đàn trận trên bờ sông Tu

Mao (một nhánh của sông Côn). Lý Thường Kiệt [15] đánh tan lực lượng tiền phương và giết được Bô-bì-đà-la, rồi vượt thêm hai sông nữa (cũng thuộc Sông Côn) thì tới Tthành Đồ Bàn.

Vua Chăm là Chế Củ tức Cri Rudravarman III [16] bỏ kinh đô chạy về miền Nam. Lý Thường Kiệt đem quân đuổi theo suốt một tháng trời, đến tận biên giới Chân Lạp. Vua Chăm và 5 vạn quân dân bị bắt. Tháng 7 năm ấy, Lý Thánh Tông về đến Thăng Long với ca khúc khải hoàn, giải theo vua Chăm và quyến thuộc. Sau Chế Củ dâng 3 châu: Bố Chánh, Địa Lý và Ma Linh [17] mới được tha cho về nước.

Ca dao dưới đây xin dành cho vị vua Đại Việt đầu tiên thân chinh mở mang bờ cõi phương nam:

Uống nước phải nhớ lấy nguồn,

Non sông cẩm tú nhớ người mở mang.

* Đời Lý Nhân Tông (1072- 1128), lúc ấy bên Tàu có Tể tướng nhà Tống (Song) là Vương An Thạch [Wang An Shi] chủ trương đánh chiếm nước ta cho bằng được, nên ra mặt khiêu khích, tích trữ vũ khí quân lương vùng biên giới, chuẩn bị tấn công. Biết được ý định của giặc dùng Ung Châu (Yong Zhou) nơi tụ điểm cho đạo quân đường bộ và Khâm Châu, Liêm Châu là cứ điểm xuất phát của cánh quân đường thủy. Triều đình Nhà Lý quyết định rất táo bạo nhưng sáng suốt, phải ra tay trước đánh phủ đầu các hậu cứ trên, nhằm phá hủy nơi tích trữ lương thảo, làm suy yếu khả năng xâm lăng của giặc. Năm 1075, Nhân Tông sai Lý Thường Kiệt và Tôn Đản đem hơn 10 vạn quân vào Nước Tàu, tiêu diệt các đồn trại Quân Tống ở miền Nam hai Tỉnh Quảng Đông (Guang Dong) và Quảng Tây (Guang Xi). Lý Thường Kiệt còn viết nhiều Lộ bố (truyền đơn ngày xưa) [18], kể tội Họ Vương, nêu chính nghĩa việc chinh phạt, để cho dân bản xứ khỏi lo sợ và hợp tác với đoàn Quân Đại Việt. Dưới đây, trích đoạn bài *Phạt Tống Lộ Bố Văn* (Bài văn Lộ bố khi đánh Tống), Trần Văn Giáp dịch [19]:

“Trời sinh ra dân chúng, vua hiền ắt hòa mục. Đạo làm chủ dân, cốt ở nuôi dân. Nay nghe vua Tống ngu hèn, chẳng tuân theo khuôn phép thánh nhân, lại tin kế tham tà của Vương An Thạch, bày những phép “thanh miêu”, “trợ địch” [20] khiến trăm họ mệt nhọc lâm than mà riêng thỏa cái mưu nuôi mình béo mập...

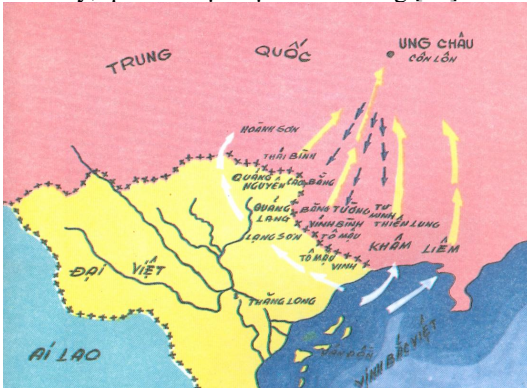
Ta nay ra quân, cốt để cứu vớt muôn dân khỏi nơi chìm đắm. Hịch văn truyền tới để mọi người cùng nghe. Ai nấy hãy tự dẫn do, chớ có mang lòng sợ hãi!”

Lý Thường Kiệt dẫn 4 vạn thủy binh cùng voi chiến, đổ bộ vào Quảng Đông công hãm Khâm Châu ngày 30- 12- 1075 (tức 20-11-Ất Mão), Liêm Châu ngày 2- 1- 1076 (tức 23-11-Ất Mão). Sau khi san bằng các căn cứ hải quân ven bờ biển phía nam tỉnh Quảng Đông, Lý Thường Kiệt ra lệnh hành quân theo hướng tây bắc tiến đánh Ung Châu, nay là Nam Ninh (Nan Ning).

Tôn Đản lãnh 6 vạn bộ binh, chia làm ba ngả tiến quân: Cánh phía tây từ Quảng Nguyên [21] vượt bên giới đánh chiếm Long Châu, Thái Bình. Cánh giữa do Tôn Đản trực tiếp chỉ huy, từ Quang Lang [22] kéo tới Đồng Đăng [23] qua Ải Nam Quan tràn vào đất Tàu, nhổ các chốt Bằng Tường, Vĩnh Bình, Tư Minh. Cánh phía đông từ hai Châu Tô, Mậu [24] vượt biên giới tấn công Đông Hưng, Tư Lăng, Thượng Tứ. Triệt hạ xong các đồn trại phía nam Tỉnh Quảng Tây, ba cánh quân đường bộ thẳng tiến hướng đông bắc, hợp với đạo thủy quân cùng vây hãm Ung Châu từ ngày 18- 1- 1076 (tức mồng 10- 12- Ất Mão).

Đô giám Tỉnh Quảng Tây là Trương Thủ Tiết (Zhang Shou Jié), từ Quế Châu (nay là Phủ Quế Lâm, Gui Lin) dẫn đại quân xuống cứu, bị Lý Thường Kiệt đón đánh tại ải Côn Lôn (gần Ung Châu), chém đầu chủ tướng và tiêu diệt toàn bộ quân cứu viện vào ngày 11- 2- 1076 (tức mồng 4 Tết năm Bính Thìn). Biết viện binh bị đánh tan nhưng Tri Châu Tô Giám vẫn không hàng, cố

thủ Thành Ung, quân ta phải dùng hỏa công (bắn tên tẩm nhựa có lửa) rồi dùng thổ công (chất bao đất thành bậc thang để leo vào thành), đến ngày 1- 3- 1076 (tức 23- 1- Bính Thìn), sau 42 ngày bao vây, quân ta hạ được Thành Ung [25].



H 8. Quân ta vượt biên giới tấn công Quân Tống. Trích: Phạm Văn Sơn, *Quân Lực Việt Nam*, quyển II, tr 67.

Lý Thường Kiệt chỉ huy đoàn Quân Đại Việt chiếm xong 3 Châu (Khâm, Liêm, Ung) san bằng các căn cứ, tiêu diệt hơn 10 vạn người, bắt tù binh và thu nhiều của cải rồi rút quân về nước, dân ta đón mừng trong ca khúc khải hoàn:

*Nực cười châu chấu đá xe,
Tưởng rằng chấu ngã, ai dè xe nghiêng!*

* Tháng 4 năm 1076 (tức tháng 3- Bính Thìn) Nhà Tống sai Tuyên phủ sứ Quảng Nam là Quách Quì (Guo Gui) làm Chiêu thảo sứ, Triệu Tiết (Zhao Xue) làm phó đem 9 tướng quân gồm 10 vạn người, 1 vạn ngựa và 20 vạn dân phu, hẹn với nước Champa và Chân Lạp sang đánh nước ta quyết phục thù. Nhân Tông sai Lý Thường Kiệt ra ngăn quân Tống ở Sông Như Nguyệt, tức Sông Cầu (thuộc Bắc Ninh). Đêm khuya, quân canh cẩn mật, phòng tuyến im phăng phắc, bỗng ở đền thần Trương Tướng Quân vang ra giọng ngâm sang sảng:

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.*

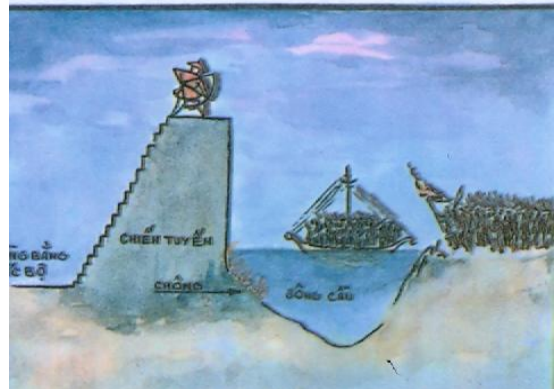
*Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm ?
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư [26].*

Việt Thao dịch:

*Vua Nam hẳn ở Nước Nam rồi,
Sông núi phân minh bởi sách trời.
Sao giặc hung hăng vào lấn chiếm?
Bại vong cả lũ hãy chờ coi.*



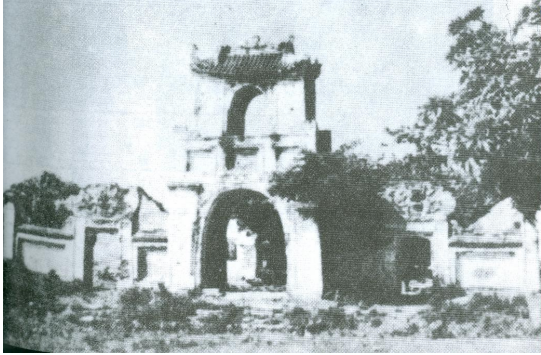
→ Quân Tống
xxx Phòng Tuyến
--- Đường Bộ



H 9. Lập phòng tuyến Sông Cầu, cản đường quân Tống. Trích: *Quân Lực Việt Nam*, quyển II, trang 71.

Quân sĩ nghe lời phán của “thần linh” nước lòng chống giữ, quân Tống không tiến lên được, lại gặp chướng địa không hợp thủy thổ, chết quá nửa, nên đành rút binh chỉ còn giữ các châu huyện, gồm Quảng Nguyên (thuộc Tỉnh Cao Bằng), Tư Lang (sau chia thành Thượng Lang và Hạ Lang,

thuộc Cao Bằng), Tô, Mậu (vùng đất nay thuộc Lạng Sơn và Bắc Giang) và Huyện Quang Lang (thuộc Lạng Sơn). Nhưng chỉ 8 năm sau (1084), Nhà Lý đòi lại được tất cả các châu huyện ấy, không để mất một tấc đất của tiền nhân.



H 10. Đền thờ Lý Thường Kiệt ở Thanh Hóa. Trích: Đông Tiến, *Dân Tôi Nước Tôi*, trang 306.

* Năm 1078 (Mậu Ngo), Nhân Tông sai Đào Tôn Nguyên đem 5 con voi sang cống nhà Tống và đòi lại các châu huyện bị chiếm. Nhà Tống thuận trả đất Quảng Nguyên, đổi lại ta phải trao những người Tàu bị bắt ở các châu Ung, Khâm, Liêm.

* Năm 1084 (Giáp Tý), Nhân Tông sai Bình bộ Thị lang Lê Văn Thịnh [27] sang Tống bàn việc biên giới, nhờ tài ngoại giao của sứ bộ, nhà Tống trả nốt phần đất còn giữ lại gồm 6 huyện là Bảo Lạc, Luyện, Miêu, Đinh, Phóng, Cận và 2 động là Túc, Tang [28]. Việc trả đất, người Tàu trách vua của họ vì tham voi của nước Giao Chỉ mà bỏ mất vàng ở Châu Quảng Nguyên, nên mới có câu lan truyền:

Nhân tham Giao Chỉ [29] tượng,

Khước thất Quảng Nguyên [30] kim.

Kể từ Dương Diên Nghệ đánh đuổi Quân Nam Hán giành lại nền độc lập (931) đến hết Nhà Lý (1225), trải dài 294 năm là giai đoạn tự chủ đầu tiên sau thời kỳ Bắc thuộc lâu dài 10 thế kỷ. Tuy nước ta mới thoát khỏi ách nô lệ Tàu, thế nước còn yếu, nhưng đã lập được những trang quân sử oai hùng trong việc giữ nước. Với hồn thiêng sông núi,

với lòng tự hào dân tộc, với truyền thống kiên cường bất khuất, dù 1000 năm bị trị, ngoại bang vẫn không thể đồng hóa nước ta. Sang giai đoạn đầu của nền tự chủ (931- 1225), tổ tiên ta nhiều lần phá vỡ mộng xâm lăng của Bắc Phương: Mở đầu là chiến tích của Ngô Quyền đại thắng Quân Nam Hán trên Sông Bạch Đằng (938); rồi Lê Đại Hành đánh tan quân Tống ở Chi Lăng (981); Lý Thường Kiệt tiến sâu vào đất Tàu, hạ thành lũy, thu nhiều chiến lợi phẩm đem về trong ca khúc khải hoàn (1075) và còn chặn đứng sức tấn công trả thù của Quân Tống (1076). Thành tích vẻ vang nhất trong thời đại này là vào năm 1078 và 1084, Nhà Lý đòi lại được tất cả những vùng đất sát biên giới mà Quân Tống đã chiếm trong chiến tranh.

(Lược trích *Ca Dao Nẻo Vào Lịch Sử*, Phần I, Đoạn 2)

[01] Theo *Tân Ngũ Đại Sử* (quyển 65), các con của Vua Tấn Cao Tổ (Lưu Cung) đều có chữ Hồng, nên trong bản dịch *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, tập 1, trang 203 (ghi chú 2) đề nghị sửa là Thái tử Hồng Tháo [Hong Cao].

[02] Lời chùa trong *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, bản dịch của nhóm Hoa Bằng, tập I, trang 223, tả khúc Sông Bạch Đằng như sau: “Sông Bạch Đằng bắt đầu từ Sông Lục Đầu thuộc địa hạt Tỉnh Bắc Ninh phân lưu chảy vào địa hạt Tỉnh Hải Dương: Một chi theo Mỹ Giang, một chi theo Châu Cốc Sơn, hai chi hợp lại ở Xã Đoan Lễ. Khúc sông hợp lại này gọi là Sông Bạch Đằng. Sông Bạch Đằng phía nam giáp giới Huyện Thủy Đường, Tỉnh Hải Dương; phía bắc giáp giới Huyện Yên Hưng, Tỉnh Quảng Yên; chuyển về phía nam 29 dặm, đổ ra biển (qua cửa) Nam Triệu. Theo sách *Địa Lý Chí* (thực ra tên sách này *Dư Địa Chí*) của Nguyễn Trãi, Sông Bạch Đằng có tên gọi nữa là Sông Vân Cừ, rộng hơn 2 dặm, ở đó có nhiều núi cao ngất, nhiều ngành sông đổ lại, sóng cồn man mác giáp

tận chân trời, cây cối um tùm che lấp bờ bến, thực là một nơi hiểm yếu về đường biển.”

[03] Chiến thuật kết hợp giữa mức lên xuống thủy triều và bãi cọc nhọn bịt sắt cắm ở lòng Sông Bạch Đằng để đánh thắng giặc ngoại xâm phương Bắc: Lần 1, năm 937, Ngô Quyền phá tan Quân Nam Hán. Lần 2, năm 981, Lê Đại Hành đóng cọc ngăn sông chặn đánh quyết liệt khiến đoàn thuyền chiến của Quân Tống phải tháo chạy. Lần 3, năm 1288, Trần Hưng Đạo áp dụng chiến thuật ấy cũng tại khúc sông này đã đại thắng Quân Nguyên. Vì vậy, câu ca dao trên có thể dùng cho cả ba trường hợp, hoặc hai cho lần 1 và 3. Tuy nhiên, còn 4 câu ca dao nữa nói đến chiến thắng Bạch Đằng, trong đó có 2 câu xác định thời Trần. Vì vậy chúng tôi dành câu “*Đánh giặc thì đánh giữa sông, Đùng đánh trong cạn phải chông mà chìm*” cho chiến tích của Ngô Quyền, người đầu tiên có sáng kiến này.

[04] Mười hai sứ quân, gồm: 1/ Ngô Xương Xí (con của Ngô Xương Ngập) chỉ còn giữ đất Bình Kiều, sau thuộc Phủ Khoái Châu, nay thuộc Tỉnh Hưng Yên. 2/ Trần Lãm xưng là Trần Minh Công, chiếm đất Bố Hải, nay thuộc Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình; có Đình Bộ Lĩnh là thuộc tướng. 3/ Nguyễn Thủ Tiệp xưng là Nguyễn Lệnh Công, chiếm vùng Tiên Sơn (Tiên Du và Từ Sơn), Tỉnh Bắc Ninh. 4/ Lý Khuê xưng là Lý Lãng Công, chiếm đất Siêu Loại, nay thuộc huyện Thuận Thành, Bắc Ninh. 5/ Lã Đường xưng là Lã Tá Công, chiếm vùng Văn Giang, nay thuộc tỉnh Bắc Ninh và Hưng Yên. 6/ Phạm Bạch Hổ xưng là Phạm Phòng Át, chiếm đất Đằng Châu, nay thuộc Huyện Kim Thi, Tỉnh Hưng Yên. 7/ Nguyễn Siêu xưng là Nguyễn Hữu Công, chiếm vùng Thanh Trì, nay là huyện ngoại Thành Hà Nội. 8/ Nguyễn Khoan xưng là Nguyễn Thái Bình, chiếm đất Tam Đái tức Phủ Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Yên; nay thuộc Tỉnh Vĩnh Phúc. 9/ Kiều Công Hãn xưng là Kiều Tam

Chế, chiếm vùng Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên; nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc. 10/ Kiều Thuận xưng là Kiều Lệnh Công, chiếm đất Cẩm Khê, Tỉnh Sơn Tây; nay thuộc Hà Tây. 11/ Đỗ Cảnh Thạc, chiếm vùng Đỗ Động Giang, nay thuộc Thanh Oai, Tỉnh Hà Tây. 12/ Ngô Nhật Khánh xưng là Ngô Lãm Công, giữ đất Đường Lâm, nay thuộc Thành Phố Sơn Tây (tỉnh Hà Tây).

[05] Khu di tích Cổ Đô Hoa Lư ở xã Trường Yên, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình. Từ năm 968 đến 1009, đất Hoa Lư là kinh đô của Nhà Đinh và Tiền Lê. Khoảng tháng 8 năm 1010 (tức tháng 7- Canh Tuất) Lý Thái Tổ dời đô về Thăng Long, đổi Hoa Lư thành Phủ Trường Yên (Tràng An); nay chỉ còn lăng và đền Vua Đinh, với đền Vua Lê. Nơi đây, cách Hà Nội 100 km và cách Thị Xã Ninh Bình 16 km, nếu đi đường bộ theo Đường Nho Quan, nếu đi đường thủy theo dòng Sông Đáy đến bến Gián Khẩu rồi rẽ vào Sông Hoàng Giang độ 6 km nữa thì đến xã Trường Yên. Tại thôn An Hạ có đền thờ Lê Đại Hành và tượng bà Hoàng Thái hậu Nhà Đinh là Dương Vân Nga, nhưng Long sàng chỉ có tượng lân, và nóc đền không có rồng (theo hình chụp của Nguyễn Huy Trực, năm 1993). Đi thêm vài trăm thước là Thôn An Trung có đền thờ Đinh Tiên Hoàng, trên nóc đền có tượng “Lưỡng long triều nguyệt”, tại Long sàng có tượng đôi rồng châu. Ngay trước cửa đền vua Đinh là ngọn Mã Yên Sơn cao 200 mét, phải lên 260 bậc đá mới đến lăng mộ Đinh Tiên Hoàng và một bia đá lớn khắc chữ cả hai mặt. Theo Ngô Vi Liên, *Địa Dư Các Tỉnh Bắc Kỳ*, trang 639: một mặt bia ghi “*Đình Tiên Hoàng Đế lăng phụng sắc kiến, niên hiệu Minh Mạng nhị thập nhất niên*” (1840), mặt bên kia ghi: “*Hàm Nghi nguyên niên* (1885) *trùng tu Tiên Đế Lăng.*”

(Còn tiếp)

ĐÀO ĐỨC CHƯỞNG